



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0041689

(51)^{2020.01} A61F 13/49; A61F 13/533; A61F
13/514; A61F 13/532; A61F 13/494;
A61F 13/51

(13) B

(21) 1-2020-07535

(22) 18/06/2019

(86) PCT/JP2019/024114 18/06/2019

(87) WO 2019/244891 26/12/2019

(30) 2018-116348 19/06/2018 JP; 2018-116346 19/06/2018 JP

(45) 25/11/2024 440

(43) 25/03/2021 396

(73) UNICHARM CORPORATION (JP)

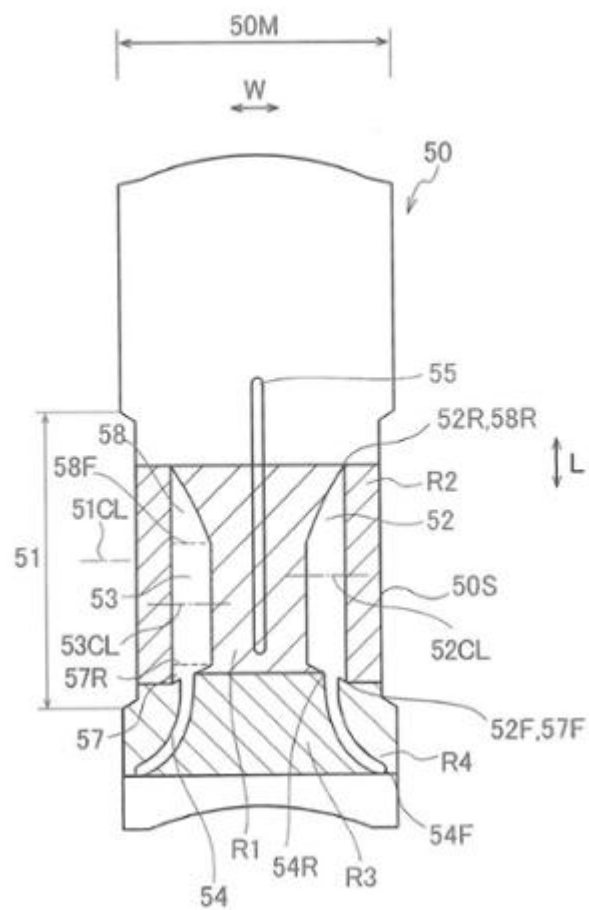
182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime 7990111, Japan

(72) SHIMAZU, Takeshi (JP); NAKAO, Hitomi (JP); MIYAZAKI, Hirokazu (JP);
MIYAMAE, Naomu (JP).

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) SẢN PHẨM THẨM HÚT

(57) Sáng chế đề cập đến sản phẩm thẩm hút dễ dàng được bố trí thích hợp trên phần bẹn của người sử dụng. Sản phẩm thẩm hút (10) bao gồm hướng từ phía trước đến phía sau (L) và hướng chiều rộng (W) vuông góc với nhau, vùng đứng (S3) bao gồm phần giữa theo hướng từ phía trước đến phía sau, vùng trước (S1) được định vị ở phía trước vùng đứng, vùng sau (S2) được định vị ở phía sau vùng đứng, và lõi thẩm hút (50) được bố trí ít nhất trong vùng đứng và vùng trước. Lõi thẩm hút có hai rãnh bên (52) kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau trong vùng đứng (S3) và phần dẫn hướng biến dạng (54) kéo dài đến phía ngoài theo hướng chiều rộng hướng về phía trước trong vùng trước. Chiều rộng của phần dẫn hướng biến dạng nhỏ hơn chiều rộng của rãnh bên.



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập tới sản phẩm thấm hút như tã dùng một lần.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Tài liệu sáng chế 1 bộc lộ sản phẩm thấm hút có phần đánh dấu chỉ thị vị trí trong tã. Phần đánh dấu theo tài liệu sáng chế 1 được cấu tạo bởi chi tiết rộng được định vị giữa bộ phận thấm hút và tấm ngoài cùng. Sự trợ giúp mang có thể cân bằng đường tâm tã với đường tâm cơ thể nhờ đánh dấu chỉ tiết rộng này.

Tài liệu sáng chế 1: Công bố đơn sáng chế Nhật số 2008-86660

Trong trường hợp mà ở đó sản phẩm thấm hút theo tài liệu sáng chế 1 được mang, chi tiết rộng có thể được cân bằng với rốn của người sử dụng. Tuy nhiên, trong trường hợp mà ở đó sản phẩm thấm hút được mang, rốn có thể được che giấu bởi vải của người sử dụng, và việc cân bằng sản phẩm thấm hút có thể không được thực hiện trong một số trường hợp. Cụ thể là, trong trường hợp lỗi thấm hút của vùng trước không khớp vừa phần bẹn của người sử dụng, sự rò rỉ của các dịch thể có thể xảy ra do vùng trước là vùng mà ở đó nước tiểu được thải ra. Do đó, có nhu cầu với sản phẩm thấm hút mà có thể dễ dàng được bố trí một cách thích hợp tương đối với phần bẹn của người sử dụng.

Do đó, mong muốn có sản phẩm thấm hút mà có thể làm giảm sự khó chịu khi mang trong vùng đũng và có thể được khớp vừa dọc theo phần bẹn của người sử dụng đồng thời làm giảm sự rò rỉ trong vùng trước.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Sản phẩm thấm hút theo một khía cạnh là sản phẩm thấm hút bao

gồm: hướng từ phía trước đến phía sau và hướng chiều rộng vuông góc với nhau; vùng đứng bao gồm phần giữa theo hướng từ phía trước đến phía sau; vùng trước được định vị ở phía trước vùng đứng; vùng sau được định vị ở phía sau vùng đứng; và lõi thấm hút được bố trí ít nhất trong vùng đứng và vùng trước, trong đó lõi thấm hút có hai rãnh bên kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau trong vùng đứng và phần dẫn hướng biến dạng kéo dài đến phía ngoài theo hướng chiều rộng hướng về phía trước trong vùng trước, và trong đó chiều rộng của phần dẫn hướng biến dạng nhỏ hơn chiều rộng của rãnh bên.

Sản phẩm thấm hút theo khía cạnh khác là sản phẩm thấm hút bao gồm: hướng từ phía trước đến phía sau và hướng chiều rộng vuông góc với nhau; vùng đứng bao gồm phần giữa theo hướng từ phía trước đến phía sau; vùng trước được định vị ở phía trước vùng đứng; vùng sau được định vị ở phía sau vùng đứng; và lõi thấm hút được bố trí ít nhất trong vùng đứng và vùng trước, trong đó lõi thấm hút có hai phần đánh dấu phía trước kéo dài đến phía ngoài theo hướng chiều rộng hướng về phía trước trong vùng trước và được căn thẳng với phần bên của người sử dụng, và trong đó phần đánh dấu phía trước có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút và phía bề mặt không tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

Fig.1 là hình chiếu bằng của sản phẩm thấm hút theo phương án thứ nhất được nhìn từ phía bề mặt tiếp xúc với da.

Fig.2 là hình chiếu bằng của lõi thấm hút theo phương án thứ nhất được nhìn từ phía bề mặt tiếp xúc với da.

Fig.3 là hình vẽ mặt cắt ngang theo đường A-A được thể hiện trên Fig.1

Fig.4 là hình vẽ thể hiện hướng biến dạng của lõi thấm hút ở mặt cắt theo

đường A-A.

Fig.5 là hình vẽ thể hiện hướng biến dạng của lõi thấm hút ở mặt cắt theo đường B-B.

Fig.6 là hình vẽ thể hiện dạng sơ đồ sản phẩm thấm hút ở trạng thái được mang trên người sử dụng.

Fig.7 là hình chiếu bằng của sản phẩm thấm hút theo phương án thứ hai được nhìn từ phía bề mặt không tiếp xúc với da.

Fig.8 là hình chiếu bằng của lõi thấm hút theo phương án thứ hai được nhìn từ phía bề mặt tiếp xúc với da.

Fig.9 là hình vẽ mặt cắt ngang theo đường A-A được thể hiện trên Fig.1 của sản phẩm thấm hút theo phương án thứ hai.

Fig.10 là hình vẽ thể hiện bộ phận thấm hút ở mặt cắt theo đường B-B được thể hiện trên Fig.1 trong sản phẩm thấm hút theo phương án thứ hai.

Mô tả chi tiết sáng chế

(1) Mô tả chi tiết các phương án của sáng chế

Ít nhất các dấu hiệu dưới đây là rõ ràng từ phần mô tả sáng chế và các hình vẽ kèm theo.

Sản phẩm thấm hút theo một khía cạnh của sáng chế là sản phẩm thấm hút bao gồm: hướng từ phía trước đến phía sau và hướng chiều rộng vuông góc với nhau; vùng đứng bao gồm phần giữa theo hướng từ phía trước đến phía sau; vùng trước được định vị ở phía trước vùng đứng; vùng sau được định vị ở phía sau vùng đứng; và lõi thấm hút được bố trí ít nhất trong vùng đứng và vùng trước, trong đó lõi thấm hút có hai rãnh bên kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau trong vùng đứng và phần dẫn hướng biến dạng kéo dài đến phía ngoài theo hướng chiều rộng hướng về phía trước trong vùng trước, và trong đó chiều rộng của phần

dẫn hướng biến dạng nhỏ hơn chiều rộng của rãnh bên.

Lỗ thấm hút trong vùng đũng có rãnh bên. Lỗ thấm hút có thể đi tới phía trong theo hướng chiều rộng bởi rãnh bên nằm trong vùng đũng. Bằng cách làm ngắn khoảng cách theo hướng chiều rộng của lỗ thấm hút trong vùng đũng, lỗ thấm hút được chứa dễ dàng trong không gian đũng, và có thể làm giảm sự khó chịu khi mang.

Thêm vào đó, lỗ thấm hút trong vùng trước có phần dẫn hướng biến dạng. Phần dẫn hướng biến dạng kéo dài tới phía ngoài theo hướng chiều rộng hướng về phía trước và có thể làm biến dạng lỗ thấm hút dọc theo phần bên. Tại thời điểm này, trong trường hợp mà ở đó khoảng cách theo hướng chiều rộng của phần dẫn hướng biến dạng quá dài, khoảng cách theo hướng chiều rộng của phần nơi mà lỗ thấm hút bị biến dạng là đáng kể, chiều dài của phần nơi mà lỗ thấm hút được bố trí dọc theo cơ thể được ngắn lại, và có lo ngại rằng sự rò rỉ xảy ra trong vùng trước. Tuy nhiên, do chiều rộng của phần dẫn hướng biến dạng nhỏ hơn chiều rộng của rãnh bên, có thể đảm bảo khoảng cách theo hướng chiều rộng của lỗ thấm hút trong vùng trước và giảm sự rò rỉ trong vùng trước. Do đó, phần dẫn hướng biến dạng có thể được khớp vừa dọc theo phần bên của người sử dụng đồng thời làm giảm sự rò rỉ trong vùng trước.

Theo khía cạnh ưu tiên, phần dẫn hướng biến dạng có thể được tạo bởi ít nhất một trong số vùng trọng lượng cơ sở thấp trong đó trọng lượng cơ sở của chất liệu thấm hút của lỗ thấm hút thấp hơn phần xung quanh lỗ thấm hút, phần ép trong đó lỗ thấm hút được ép theo hướng chiều dày, rãnh được tạo ra ở lỗ thấm hút, và có độ cứng khác với lỗ thấm hút.

Theo khía cạnh ưu tiên, sản phẩm thấm hút bao gồm tấm trên cùng được định vị ở phía bề mặt tiếp xúc với da của lỗ thấm hút và phần chun chống rò rỉ được định vị ở phía bề mặt tiếp xúc với da của tấm trên cùng, trong đó phần

chun chống rò rỉ bao gồm phần co được nâng lên bởi sự co của phần đàn hồi chống rò rỉ và phần nền có tác dụng như điểm cơ bản khi nâng phần co, trong đó lõi thẩm hút bao gồm vùng thứ nhất được nằm xen bởi các rãnh bên và vùng thứ hai được định vị giữa rãnh bên và mép ngoài của lõi thẩm hút, và phần co có thể xếp chồng với vùng thứ hai theo hướng chiều dày.

Lõi thẩm hút được nằm xen bởi các chân khi mang, và vì vậy lực hướng về phía trong theo hướng chiều rộng được tác động vào lõi thẩm hút. Tại thời điểm này, vùng thứ hai của lõi thẩm hút được kéo tới phía trong theo hướng chiều rộng và hướng về phía bề mặt tiếp xúc với da bởi sự co của phần co. Do phần co xếp chồng với vùng thứ hai theo hướng chiều dày, lực để kéo vùng thứ hai tới phía trong theo hướng chiều rộng và hướng về phía bề mặt tiếp xúc với da được tạo ra. Trong trường hợp mà ở đó lực hướng về phía trong từ phía ngoài theo hướng chiều rộng được tác động khi mang, vùng thứ hai được di chuyển dễ dàng tới phía bề mặt tiếp xúc với da của vùng thứ nhất và tới phía trong theo hướng chiều rộng. Do đó, chiều dài của lõi thẩm hút theo hướng chiều rộng có thể được ngăn lại.

Theo khía cạnh ưu tiên, rãnh ở giữa, mà được định vị giữa các rãnh bên theo hướng chiều rộng và kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau, được tạo ra trên lõi thẩm hút.

Theo khía cạnh này, vùng nằm giữa các rãnh bên bởi rãnh ở giữa được uốn một cách dễ dàng theo hướng chiều dày, và có thể còn làm ngắn khoảng cách theo hướng chiều rộng của toàn bộ lõi thẩm hút trong vùng đứng.

Theo khía cạnh ưu tiên, rãnh bên bao gồm phần hẹp phía sau trong đó chiều dài của rãnh bên theo hướng chiều rộng giảm hướng về phía sau, và phần hẹp phía sau có thể tới mép sau của rãnh bên.

Theo khía cạnh này, do rãnh bên có phần hẹp phía sau, khi mang chiều dài mà tại đó lõi thẩm hút của vùng đứng sẽ ngắn hơn theo hướng chiều rộng được

ngăn lại hướng về phía sau. Nghĩa là, có thể đảm bảo chiều dài của lõi thấm hút theo hướng chiều rộng trong vùng xác định có mép sau của rãnh bên. Có thể đảm bảo chiều dài của lõi thấm hút được định vị ở phía hông theo hướng chiều rộng và giảm sự rò rỉ trong vùng bao bọc các hông bởi lõi thấm hút và tương ứng với các hông. Có thể rút ngắn chiều dài của lõi thấm hút bởi rãnh bên theo hướng chiều rộng và giảm sự rò rỉ trong vùng tương ứng với các hông bởi lõi thấm hút đồng thời thu được hiệu quả là làm giảm sự khó chịu.

Theo khía cạnh ưu tiên, rãnh bên bao gồm phần hẹp phía trước trong đó chiều dài của rãnh bên theo hướng chiều rộng giảm hướng về phía trước, và phần hẹp phía trước có thể tới mép trước của rãnh bên.

Theo khía cạnh này, do rãnh bên bao gồm phần hẹp phía trước, khi mang chiều dài mà tại đó lõi thấm hút của vùng đứng sẽ ngắn hơn theo hướng chiều rộng được ngăn lại hướng về phía trước. Nghĩa là, có thể đảm bảo chiều dài của lõi thấm hút theo hướng chiều rộng trong vùng xác định bao gồm mép trước của rãnh bên. Có thể đảm bảo chiều dài của lõi thấm hút được định vị ở phía đầu ra nước tiểu theo hướng chiều rộng và giảm sự rò rỉ trong vùng có nước tiểu.

Theo khía cạnh ưu tiên, lõi thấm hút bao gồm vùng thứ nhất được nằm xen bởi các rãnh bên, vùng thứ hai được định vị giữa rãnh bên và mép ngoài của lõi thấm hút, vùng thứ ba được nằm xen bởi các phần dẫn hướng biến dạng, và vùng thứ tư được định vị giữa phần dẫn hướng biến dạng và mép ngoài của lõi thấm hút, và chiều dài lớn nhất của vùng thứ ba theo hướng chiều rộng có thể lớn hơn chiều dài lớn nhất của vùng thứ nhất theo hướng chiều rộng.

Theo khía cạnh này, vùng thứ ba được nằm xen bởi các phần dẫn hướng biến dạng có thể đảm bảo khoảng cách theo hướng chiều rộng từ vùng thứ nhất được nằm xen bởi các rãnh bên, và có thể bao bọc cơ thể bởi lõi thấm hút trong một vùng lớn. Có thể đảm bảo chiều dài của lõi thấm hút theo hướng chiều rộng

trong vùng trước, và làm giảm sự rò rỉ trong vùng trước này.

Theo khía cạnh ưu tiên, chiều rộng của phần dẫn hướng biến dạng có thể bằng 1/2 hoặc nhỏ hơn chiều rộng của rãnh bên.

Theo khía cạnh này, có thể thu được hơn nữa khả năng được khớp vừa hiệu quả dọc theo phần bên của người sử dụng đồng thời làm giảm sự rò rỉ trong vùng trước.

Theo khía cạnh ưu tiên, phần dẫn hướng biến dạng có thể được định vị ở phía trong theo hướng chiều rộng từ mép ngoài của lõi thấm hút.

Theo khía cạnh này, mép ngoài của lõi thấm hút có thể được áp vào cơ thể theo dạng phẳng mà không làm biến dạng mép ngoài của lõi thấm hút bởi phần dẫn hướng biến dạng. Do đó, có thể làm giảm tiếp sự rò rỉ trong vùng trước. Thêm vào đó, ở dạng trong đó phần dẫn hướng biến dạng được cấu tạo bởi các rãnh, vật liệu thấm hút có mặt ở phía ngoài theo hướng chiều rộng từ phần dẫn hướng biến dạng. Có thể giữ các dịch thể bị lan tràn bởi phần dẫn hướng biến dạng bởi vật liệu thấm hút và giảm sự rò rỉ sang bên.

Theo khía cạnh ưu tiên, sản phẩm thấm hút bao gồm tấm trên cùng được định vị ở phía bề mặt tiếp xúc với da của lõi thấm hút và phần chun chống rò rỉ đứng được định vị ở phía bề mặt tiếp xúc với da của tấm trên cùng, trong đó phần chun chống rò rỉ bao gồm phần co mà được nâng lên bởi sự co của phần đàn hồi chống rò rỉ và phần nền mà có tác dụng như điểm cơ bản khi nâng phần co, và trong đó phần co có thể xếp chồng với phần dẫn hướng biến dạng theo hướng chiều dày.

Theo khía cạnh này, phần dẫn hướng biến dạng được kéo tới phía bề mặt tiếp xúc với da bởi sự co của phần co. Lõi thấm hút có thể được biến dạng theo hướng chiều dày từ phần dẫn hướng biến dạng là điểm góc, và phần biến dạng có thể được bố trí gần với cơ thể. Do đó, lõi thấm hút có thể còn có thể được khớp

vừa vào cơ thể, và sự rò rỉ có thể được giảm.

Theo khía cạnh ưu tiên, phần đàn hồi chống rò rỉ có thể không xếp chồng với vùng ở phía trước phần giữa của phần dẫn hướng biến dạng theo hướng từ phía trước đến phía sau và có thể xếp chồng với vùng ở phía sau từ phần giữa của phần dẫn hướng biến dạng theo hướng từ phía trước đến phía sau.

Theo khía cạnh này, vùng ở phía sau từ phần giữa của phần dẫn hướng biến dạng theo hướng từ phía trước đến phía sau được kéo lên tới phía bề mặt tiếp xúc với da bởi sự co của phần đàn hồi chống rò rỉ và dễ dàng dọc theo cơ thể. Mặt khác, vùng ở phía trước từ phần giữa của phần dẫn hướng biến dạng theo hướng từ phía trước đến phía sau hầu như không bị kéo lên tới phía bề mặt tiếp xúc với da bởi sự co của phần đàn hồi chống rò rỉ, duy trì hình dạng phẳng, và dễ dàng được bố trí để bao bọc cơ thể. Có thể làm giảm sự rò rỉ nhờ bố trí lõi thấm hút bao bọc cơ thể.

Sản phẩm thấm hút theo khía cạnh khác là sản phẩm thấm hút bao gồm: hướng từ phía trước đến phía sau và hướng chiều rộng vuông góc với nhau; vùng đứng bao gồm phần giữa theo hướng từ phía trước đến phía sau; vùng trước được định vị ở phía trước vùng đứng; vùng sau được định vị ở phía sau vùng đứng; và lõi thấm hút được bố trí ít nhất trong vùng đứng và vùng trước, trong đó lõi thấm hút có hai phần đánh dấu phía trước kéo dài đến phía ngoài theo hướng chiều rộng hướng về phía trước trong vùng trước và được căn thẳng với phần bẹn của người sử dụng, và trong đó phần đánh dấu phía trước có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút và phía bề mặt không tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút.

Theo khía cạnh này, lõi thấm hút trong vùng trước có phần đánh dấu phía trước mà có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút và phía bề mặt không tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút. Phần đánh

dấu phía trước kéo dài tới phía ngoài theo hướng chiều rộng hướng về phía trước, và được bố trí dọc theo phần bẹn. Phần bẹn hầu như không bị che giấu bởi vải hoặc sản phẩm thấm hút mà đang mang, và có thể được nhìn thấy từ sự trợ giúp mang được định vị ở phía bên của người sử dụng. Bằng cách căn thẳng phần đánh dấu phía trước tương đối với phần bẹn của người sử dụng, có thể căn thẳng sản phẩm thấm hút ở vị trí thích hợp.

Theo khía cạnh ưu tiên, phần đánh dấu phía trước có thể là rãnh được tạo ra ở lõi thấm hút.

Theo khía cạnh này, lõi thấm hút được biến dạng một cách dễ dàng từ phần đánh dấu phía trước, mà là rãnh, là điểm góc. Do đó, có thể thực hiện căn thẳng phần đánh dấu phía trước vào phần bẹn và bố trí phần đánh dấu phía trước dọc theo phần bẹn. Vì lý do này, có thể thực hiện căn thẳng sản phẩm thấm hút ở vị trí thích hợp và bố trí lõi thấm hút dọc theo phần bẹn. Thêm vào đó, do sự biến dạng của lõi thấm hút bao gồm rãnh là điểm góc, các nếp gấp xuất hiện quanh rãnh trên bề mặt tiếp xúc với da và bề mặt không tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút. Các nếp gấp trở thành phần đánh dấu và khiến dễ dàng bố trí sản phẩm thấm hút vào vị trí thích hợp của cơ thể.

Theo khía cạnh ưu tiên, đã đề xuất tấm bề mặt tiếp xúc với da được định vị ở phía bề mặt tiếp xúc với da của lõi thấm hút và tấm bề mặt không tiếp xúc với da được định vị ở phía không tiếp xúc với da của lõi thấm hút, trong đó tấm bề mặt tiếp xúc với da và tấm bề mặt không tiếp xúc với da có thể được nối trong vùng xếp chồng với rãnh.

Theo khía cạnh này, do tấm bề mặt tiếp xúc với da và tấm bề mặt không tiếp xúc với da được nối với nhau, rãnh được đưa tiếp xúc sát với tấm bề mặt tiếp xúc với da và tấm bề mặt không tiếp xúc với da, và khả năng quan sát rãnh được cải thiện. Nhờ cải thiện khả năng nhìn thấy phần đánh dấu phía trước được tạo ra

từ các rãnh, sản phẩm thấm hút dễ dàng cân thẳng ở vị trí thích hợp.

Theo khía cạnh ưu tiên, lõi thấm hút có thể tạo thành phần ép trong đó ít nhất lõi thấm hút được ép theo hướng chiều dày ở một vùng bất kỳ trong số vùng liền kề mép trong của rãnh và vùng liền kề mép ngoài của rãnh.

Theo khía cạnh này, lõi thấm hút được ép theo phần ép, khả năng nhìn thấy mép của rãnh tạo nên phần đánh dấu phía trước được tăng cường, và khả năng nhìn thấy phần đánh dấu phía trước có thể được tăng cường.

Theo khía cạnh ưu tiên, lõi thấm hút có hai phần đánh dấu đũng kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau trong vùng đũng, và phần đánh dấu chun có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút và phía bề mặt không tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút.

Theo khía cạnh này, việc cân thẳng tương đối với cơ thể có thể được thực hiện bởi phần đánh dấu chun thậm chí ở phía đũng của phần bẹn. Phần đánh dấu phía trước kéo dài tới phía ngoài theo hướng chiều rộng, và phần đánh dấu chun kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau. Do hướng mà theo đó phần đánh dấu phía trước kéo dài và hướng mà theo đó phần đánh dấu chun kéo dài là khác nhau, đường biên có thể được chú ý. Vì lý do này, vùng cần được bố trí dọc theo phần bẹn dễ dàng được nhận biết, và sản phẩm thấm hút được cân thẳng dễ dàng hơn ở vị trí thích hợp.

Theo khía cạnh ưu tiên, sản phẩm thấm hút bao gồm tấm bề mặt không tiếp xúc với da được định vị ở mặt đối không tiếp xúc với da của lõi thấm hút, tấm bề mặt không tiếp xúc với da bao gồm phần in mà có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt không tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút, và phần in có thể gồm phần in thứ nhất xếp chồng với mép ngoài của phần đánh dấu phía trước và phần in thứ hai xếp chồng với mép ngoài của phần đánh dấu chun.

Theo khía cạnh này, sự trợ giúp mang có thể dễ dàng nhận biết phần đánh

dấu phía trước bởi phần in thứ nhất, và có thể dễ dàng nhận ra bằng mắt phần đánh dấu chun bởi phần in thứ hai. Đường biên giữa phần đánh dấu phía trước và phần đánh dấu chun được nhận biết, vùng cần được bố trí dọc theo phần bên dễ dàng được nhận biết, và sản phẩm thấm hút được cân thẳng dễ dàng hơn ở vị trí thích hợp.

Ở sản phẩm thấm hút theo khía cạnh ưu tiên, chiều rộng của phần đánh dấu phía trước có thể ngắn hơn chiều rộng của phần đánh dấu chun.

Theo khía cạnh này, sự trợ giúp mang có thể dễ dàng phân biệt phần đánh dấu phía trước và phần đánh dấu chun và nhận biết chúng. Đường biên giữa phần đánh dấu phía trước và phần đánh dấu chun được nhận biết, vùng cần được bố trí dọc theo phần bên dễ dàng được nhận biết, và sản phẩm thấm hút được cân thẳng dễ dàng hơn ở vị trí thích hợp.

Theo khía cạnh ưu tiên, sản phẩm thấm hút bao gồm tấm bề mặt không tiếp xúc với da được định vị ở mặt đối không tiếp xúc với da của lõi thấm hút, tấm bề mặt không tiếp xúc với da bao gồm tấm bên ngoài tạo nên bề mặt không tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút, tấm bên ngoài có phần được in nổi tạo ra trên đó, và phần được in nổi có thể được bố trí trong vùng xếp chồng với phần đánh dấu phía trước.

Theo khía cạnh này, chiều dày của tấm bề mặt không tiếp xúc với da được giảm bởi phần được in nổi. Do đó, có thể cải thiện khả năng nhìn thấy phần đánh dấu phía trước từ phía bề mặt không tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút.

(2) Phương án thứ nhất

Dưới đây, sẽ dùng một lần theo phương án thứ nhất sẽ được mô tả có dựa vào các hình vẽ kèm theo. Trong phần mô tả dưới đây của các hình vẽ, các số chỉ dẫn giống nhau hoặc tương tự biểu thị các phần giống nhau hoặc tương tự. Các hình vẽ là các hình vẽ dưới dạng sơ đồ, và chú ý rằng tỷ lệ hoặc thông số tương tự

của các kích thước riêng biệt khác với các kích thước thực. Do đó, các kích thước cụ thể và tương tự sẽ được xác định bằng cách xem xét phân giải thích dưới đây. Thêm vào đó, các phần có các mối tương quan kích thước hoặc các tỷ lệ khác nhau có thể được bao gồm trên các hình vẽ.

Sản phẩm thấm hút theo phương án thứ nhất được tạo kết cấu để làm giảm sự khó chịu khi mang trong vùng đứng và có khả năng được khớp vừa dọc theo phần bẹn của người sử dụng đồng thời làm giảm sự rò rỉ trong vùng trước. Ở giải pháp đã biết, sản phẩm thấm hút có rãnh kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau được bộc lộ. Rãnh ở giải pháp đã biết kéo dài tới phía ngoài theo hướng chiều rộng từ vùng đứng tới vùng trước, có chức năng như đường dẫn lan truyền nước tiểu, và lan truyền nước tiểu theo hướng từ phía trước đến phía sau. Thêm vào đó, với rãnh công nghệ ở giải pháp đã biết, rãnh tới mép ngoài của bộ phận thấm hút được bộc lộ. Bộ phận thấm hút có rãnh được phân chia thành bộ phận thấm hút ở giữa và bộ phận thấm hút ở bên bởi rãnh. Ở sản phẩm thấm hút có kết cấu như nêu trên, trong trường hợp mà ở đó lực kéo phía phần trước của bộ phận thấm hút ở giữa hướng về phía đứng tác động, thì trước hết, phía phần trước của bộ phận thấm hút ở giữa được kéo hướng về phía đứng bởi lực, và bộ phận thấm hút ở bên được định vị ở cả hai bên được kéo hướng về phía đứng hơi chậm hơn phía phần trước của bộ phận thấm hút ở giữa. Bộ phận thấm hút được khớp vừa dọc theo phần bẹn của người sử dụng bởi sự dịch chuyển này. Tuy nhiên, ở sản phẩm thấm hút của giải pháp đã biết, rãnh bị biến dạng trong trường hợp mà ở đó lực hướng về phía trong theo hướng chiều rộng được tác động khi mang, và chiều dài của bộ phận thấm hút theo hướng chiều rộng được ngăn lại trong một số trường hợp. Rãnh được bố trí ngang qua vùng đứng và vùng trước, và chiều rộng của bộ phận thấm hút được ngăn lại trong vùng đứng và cũng được ngăn lại trong vùng trước. Vùng đứng là vùng được nằm xen bởi hai chân, và bằng cách

làm ngắn chiều dài của lối thấm hút theo hướng chiều rộng của vùng đũng, có thể làm giảm sự khó chịu khi mang. Tuy nhiên, vùng trước là vùng trong đó nước tiểu được thải ra, và trong trường hợp mà ở đó chiều dài của lối thấm hút theo hướng chiều rộng của vùng trước không thể được đảm bảo, có lo ngại rằng sự rò rỉ xảy ra. Sáng chế được đề xuất nhằm khắc phục các vấn đề nêu trên và được tạo kết cấu để làm giảm sự khó chịu khi mang trong vùng đũng và có khả năng được khớp vừa dọc theo phần bẹn của người sử dụng đồng thời làm giảm sự rò rỉ trong vùng trước.

Fig.1 là hình chiếu bằng của sản phẩm thấm hút 10 theo phương án thứ nhất được nhìn từ phía bề mặt tiếp xúc với da, và Fig.2 là hình chiếu bằng của lối thấm hút 50 theo phương án thứ nhất được nhìn từ phía bề mặt tiếp xúc với da. Các hình chiếu bằng được thể hiện trên Fig.1 và Fig.2 biểu thị trạng thái được kéo dài trong đó sản phẩm thấm hút 10 được kéo căng tới trạng thái mà ở đó không nếp gấp nào được tạo ra. Fig.3 là hình vẽ mặt cắt ngang theo đường A-A được thể hiện trên Fig.1. Sản phẩm thấm hút 10 theo phương án này của sáng chế là sản phẩm thấm hút dạng khai triển dùng cho người lớn, nhưng không bị giới hạn bởi điều đó. Sản phẩm thấm hút 10 có thể là sản phẩm thấm hút dạng quần lót hoặc có thể là sản phẩm thấm hút dùng cho trẻ em.

Sản phẩm thấm hút 10 có hướng từ phía trước đến phía sau L và hướng chiều rộng W vuông góc với nhau. Hướng từ phía trước đến phía sau L được xác định bởi hướng kéo dài đến phía trước cơ thể và phía sau cơ thể. Nói theo cách khác, hướng từ phía trước đến phía sau L là hướng kéo dài đến phía trước và phía sau của sản phẩm thấm hút đã khai triển 10. Thêm vào đó, sản phẩm thấm hút 10 có hướng chiều dày T vuông góc với cả hai hướng từ phía trước đến phía sau L và hướng chiều rộng W. Hướng chiều dày T kéo dài tới phía bề mặt tiếp xúc với da T1 hướng về phía người sử dụng và phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 ở phía

cách xa người sử dụng. Theo sáng chế, “phía bề mặt tiếp xúc với da” tương ứng với phía quay mặt về da của người sử dụng tại thời điểm sử dụng. “Phía bề mặt không tiếp xúc với da” tương ứng với phía hướng đối diện với da của người sử dụng tại thời điểm sử dụng.

Sản phẩm thấm hút 10 bao gồm vùng trước S1, vùng sau S2, và vùng đứng S3. Vùng trước S1 quay mặt về phía trước cơ thể của người sử dụng tại thời điểm sử dụng. Vùng sau S2 quay mặt về phía sau cơ thể của người sử dụng tại thời điểm sử dụng. Vùng đứng S3 được định vị giữa vùng trước S1 và vùng sau S2, và nằm ở đứng của người sử dụng tại thời điểm sử dụng. Vùng đứng S3 có thể được xác định bởi lõi thấm hút 50. Cụ thể hơn, trong lõi thấm hút 50 có phần thắt 51, vùng nơi mà phần thắt 51 của lõi thấm hút 50 được tạo ra trở thành vùng của vùng đứng S3 theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Ở lõi thấm hút 50 không có phần thắt 51, vùng giữ mà đạt được bằng cách chia chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng từ phía trước đến phía sau thành ba phần bằng nhau sẽ trở thành vùng của vùng đứng S3 theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Theo phương án này, mép trước của phần thắt 51 của lõi thấm hút 50 tạo ra đường biên giữa vùng đứng S3 và vùng trước S1, và mép sau của phần thắt 51 của lõi thấm hút tạo ra đường biên giữa vùng đứng S3 và vùng sau S2.

Sản phẩm thấm hút 10 bao gồm cạnh vòng hờ 65. Cạnh vòng hờ 65 là phần được tạo lõm tới phía trong theo hướng chiều rộng W ở mép ngoài của phần thân chính (phần thu được bằng cách loại bỏ băng gắn chặt 94 sẽ được mô tả sau ra khỏi sản phẩm thấm hút) của sản phẩm thấm hút. Mép ngoài theo phương án này là mép ở phía ngoài theo hướng chiều rộng và mép trong là mép ở phía trong theo hướng chiều rộng.

Sản phẩm thấm hút 10 bao gồm lõi thấm hút 50 được bố trí trong ít nhất vùng đứng S3 và vùng trước S1. Lõi thấm hút 50 có thể kéo dài từ vùng đứng

S3 tới vùng trước S1 và vùng sau S2. Lõi thấm hút 50 có thể là nhiều lớp chất liệu thấm hút bao gồm bột giấy nghiền hoặc polyme siêu thấm hút (SAP), hoặc hỗn hợp của nó, chẳng hạn. Như được thể hiện trên Fig.3, sản phẩm thấm hút 10 có thể có bộ phận thấm hút bao gồm lõi thấm hút 50 và phần bọc lõi 56. Phần bọc lõi 56 được bố trí để bao bọc phía bề mặt tiếp xúc với da và phía bề mặt không tiếp xúc với da của lõi thấm hút 50, và có thể là tấm giấy mỏng hoặc tấm vải không dệt, chẳng hạn. Kết cấu của lõi thấm hút 50 sẽ được mô tả chi tiết sau.

Như được thể hiện trên Fig.3, sản phẩm thấm hút 10 có thể gồm tấm bề mặt tiếp xúc với da 41 được định vị ở phía bề mặt tiếp xúc với da T1 của lõi thấm hút 50 và tấm bề mặt không tiếp xúc với da 42 được định vị ở phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của lõi thấm hút 50. Tấm bề mặt tiếp xúc với da 41 có thể gồm phần bọc lõi 56 được định vị ở phía bề mặt tiếp xúc với da T1, tấm trên cùng 41a, và tấm bên 41b của lõi thấm hút 50. Tấm trên cùng 41a có khả năng thấm được chất lỏng và có thể được bố trí để bao bọc phần giữa của lõi thấm hút 50 ít nhất theo hướng chiều rộng W. Tấm bên 41b được làm bằng vải không dệt có tính kỵ nước, và có thể được bố trí để bao bọc cả hai phần bên của tấm trên cùng 41a theo hướng chiều rộng W, ở phía ngoài theo hướng chiều rộng W hơn phần giữa của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng W. Tấm bề mặt không tiếp xúc với da 42 không có khả năng thấm được chất lỏng và có thể được bố trí ở phía bề mặt không tiếp xúc với da hơn lõi thấm hút 50. Tấm bề mặt không tiếp xúc với da 42 có thể gồm phần bọc lõi 56 được định vị ở phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của lõi thấm hút 50, màng ở phía sau không thấm được chất lỏng 42a, và tấm bên ngoài 42b được bố trí ở phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của màng phía sau 42a. Tấm bên ngoài 42b có thể được làm bằng vải không dệt.

Sản phẩm thấm hút 10 có thể gồm phần chun chống rò rỉ đứng 60. Phần chun chống rò rỉ 60 được định vị ở phía bề mặt tiếp xúc với da của tấm trên cùng

41a và có thể vuông góc tương đối với tấm trên cùng 41a. Phần chun chống rò rỉ 60 bao gồm phần co 61 được nâng lên bởi sự co của phần đàn hồi chống rò rỉ 66 và phần nền 62 có tác dụng như điểm cơ bản khi nâng phần co 61. Phần nền 62 có thể gồm phần nền thứ nhất 62a (xem Fig.3) được định vị ở phía ngoài theo hướng chiều rộng W hơn phần co 61 và phần nền thứ hai 62b (xem Fig.1) được định vị ở phía ngoài theo hướng từ phía trước đến phía sau L hơn phần co 61. Phần đàn hồi chống rò rỉ 66 được bố trí ở mép trong của tấm bên 41b, và nâng mép trong của tấm bên 41b ở phía người sử dụng.

Sản phẩm thấm hút 10 có thể gồm đoạn quanh chi tiết đàn hồi 67 được bố trí ở cạnh vòng hở 65. Đoạn quanh chi tiết đàn hồi 67 được bố trí dọc theo cạnh vòng hở 65 để khớp vừa cạnh vòng hở 65 quanh chân người sử dụng. Đoạn quanh chi tiết đàn hồi 67 được bố trí giữa tấm bên 41b và màng phía sau 42a. Phần đàn hồi chống rò rỉ 66 và đoạn quanh chi tiết đàn hồi 67 có thể giãn ra và co lại theo hướng từ phía trước đến phía sau L, và có thể được bố trí dọc theo hướng từ phía trước đến phía sau L.

Sản phẩm thấm hút 10 có thể gồm băng gắn chặt 94 được tạo ra trên cả hai phía ngoài của vùng sau S2 theo hướng chiều rộng W. Băng gắn chặt 94 có thể gồm phần gài 96 mà gài với bề mặt không tiếp xúc với da của vùng trước S1.

Tiếp đó, kết cấu của lõi thấm hút 50 sẽ được mô tả chi tiết. Lõi thấm hút 50 có thể có các rãnh và phần dẫn hướng biến dạng 54. Rãnh là phần mà vật liệu thấm hút tạo nên lõi thấm hút 50 về cơ bản không được bố trí trong đó. Rãnh là phần mà ở đó trọng lượng cơ sở của chất liệu thấm hút bằng 0 hoặc phần mà ở đó vật liệu thấm hút thoát ra từ xung quanh được bố trí nhưng vật liệu thấm hút xét về thiết kế bằng 0. Trong trường hợp mà ở đó lõi thấm hút 50 chịu lực, rãnh hấp thu biến dạng, hoặc trở thành điểm cơ sở cho biến dạng. Rãnh có thể gồm hai rãnh bên 52 và rãnh ở giữa 55.

Như được thể hiện trên Fig.2, lõi thấm hút 50 có thể gồm vùng thứ nhất R1 được nằm xen bởi hai rãnh bên 52, vùng thứ hai R2 được định vị giữa các rãnh bên 52 và mép ngoài 50S của lõi thấm hút 50, vùng thứ ba R3 được nằm xen bởi phần dẫn hướng biến dạng 54, và vùng thứ tư R4 được định vị giữa hai phần dẫn hướng biến dạng 54 và mép ngoài của lõi thấm hút 50. Trên Fig.2, các đường vạch nghiêng khác nhau được ứng dụng cho vùng thứ nhất R1, vùng thứ hai R2, vùng thứ ba R3, và vùng thứ tư R4. Vùng thứ hai R2 được định vị ở phía ngoài của mỗi rãnh bên 52 theo hướng chiều rộng W và được bố trí thành cặp. Vùng thứ nhất R1 và vùng thứ hai R2 là các vùng kéo dài dọc theo hướng chiều rộng W từ rãnh bên 52. Ít nhất một phần của rãnh ở giữa 55 có thể được bố trí trong vùng thứ nhất R1. Vùng thứ ba R3 được bố trí ở phía ngoài của mỗi phần dẫn hướng biến dạng 54 theo hướng chiều rộng W và được bố trí thành cặp. Vùng thứ ba R3 và vùng thứ tư R4 là các vùng kéo dài dọc theo hướng chiều rộng W từ phần dẫn hướng biến dạng 54.

Rãnh bên 52 có thể được bố trí ít nhất trong vùng đứng S3. Mép trước 52F của rãnh bên 52 có thể được bố trí trong vùng đứng S3, và mép sau 52R của rãnh bên 52 có thể được bố trí trong vùng đứng S3. Rãnh bên 52 có thể kéo dài ít nhất theo hướng từ phía trước đến phía sau L, có thể nằm dọc theo hướng từ phía trước đến phía sau L, hoặc có thể gồm phần nghiêng tương đối với hướng từ phía trước đến phía sau L. Chiều dài của rãnh bên 52 theo hướng chiều rộng W có thể là không đổi hoặc có thể thay đổi. Rãnh bên 52 không được tạo ra ở phần giữa của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng W, và có thể được tạo theo cặp đối xứng tương đối với phần giữa của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng W.

Phần dẫn hướng biến dạng 54 được tạo kết cấu để làm biến dạng lõi thấm hút 50 theo hướng chiều dày T. Lõi thấm hút 50 được tạo kết cấu để được biến dạng với phần dẫn hướng biến dạng 54 là điểm góc trong trường hợp mà ở đó lực

được tác động khi mang. Phần dẫn hướng biến dạng 54 có thể được định vị ở phía trước rãnh bên 52, hoặc có thể được bố trí ít nhất trong vùng trước S1. Mép trước 54F của phần dẫn hướng biến dạng 54 có thể được bố trí trong vùng trước S1, và mép sau 54R của phần dẫn hướng biến dạng 54 có thể được bố trí trong vùng đứng S3. Ít nhất một phần của phần dẫn hướng biến dạng 54 kéo dài tới phía ngoài theo hướng chiều rộng hướng về phía trước trong vùng trước S1.

Phần dẫn hướng biến dạng 54 được cấu tạo bởi ít nhất một trong số vùng trọng lượng cơ sở thấp trong đó trọng lượng cơ sở của chất liệu thấm hút của lõi thấm hút 50 thấp hơn vùng xung quanh, phần ép trong đó lõi thấm hút 50 được ép theo hướng chiều dày T, rãnh được tạo ra ở lõi thấm hút 50, và có độ cứng khác với lõi thấm hút 50. Phần dẫn hướng biến dạng 54 theo phương án này của sáng chế được cấu tạo bởi các rãnh. Phần dẫn hướng biến dạng 54 có thể được làm liền khối với rãnh bên, hoặc có thể nằm cách xa rãnh bên. Phần dẫn hướng biến dạng 54 theo phương án này của sáng chế được tạo ra bằng cách được làm liền khối với rãnh bên 52. Mép sau 54R của phần dẫn hướng biến dạng 54 có thể liên tục với mép trước 52F của rãnh bên 52. Mép sau 54R của phần dẫn hướng biến dạng 54 có thể được định vị ở phía trước từ phần giữa của sản phẩm thấm hút 10 theo hướng từ phía trước đến phía sau L, hoặc có thể được định vị ở phía trước từ phần giữa của lõi thấm hút 50 theo hướng từ phía trước đến phía sau L.

Chiều rộng của phần dẫn hướng biến dạng 54 nhỏ hơn chiều rộng của rãnh bên 52. Chiều rộng của rãnh bên 52 là khoảng cách theo hướng vuông góc với hướng dọc của rãnh bên 52, và là khoảng cách theo hướng chiều rộng ở rãnh bên 52 kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Tương tự, chiều rộng của phần dẫn hướng biến dạng 54 là khoảng cách theo hướng vuông góc với hướng dọc của phần dẫn hướng biến dạng 54, và là khoảng cách theo hướng chiều rộng ở phần dẫn hướng biến dạng 54 kéo dài theo hướng từ phía trước đến

phía sau L. Ở dạng thu được bằng cách làm liền khối rãnh bên 52 với phần dẫn hướng biến dạng 54, đường biên giữa rãnh bên 52 và phần dẫn hướng biến dạng 54 có thể là phần mà ở đó chiều rộng được thay đổi. Ở kết cấu mà trong đó chiều rộng của rãnh bên 52 và chiều rộng của phần dẫn hướng biến dạng 54 được thay đổi, chiều rộng lớn nhất của phần dẫn hướng biến dạng 54 có thể ngắn hơn chiều rộng lớn nhất của rãnh bên 52, hoặc chiều rộng trung bình của phần dẫn hướng biến dạng 54 có thể ngắn hơn chiều rộng trung bình của rãnh bên 52.

Tiếp đó, sẽ mô tả hướng biến dạng của sản phẩm thấm hút 10 được tạo kết cấu như được mô tả trên đây. Fig.4 là hình vẽ thể hiện dạng sơ đồ trạng thái được biến dạng của bộ phận thấm hút khi mang. Fig.4 thể hiện dạng sơ đồ hướng biến dạng của bộ phận thấm hút trong vùng đũng S3 trong mặt cắt A-A, và Fig.5 thể hiện hướng biến dạng của bộ phận thấm hút trong vùng trước S1 trong mặt cắt B-B. Fig.4(a) là trạng thái trong đó lực hướng về phía trong theo hướng chiều rộng được tác động khi mang, và Fig.4(b) thể hiện trạng thái trong đó lực được tác động tiếp hướng về phía trong theo hướng chiều rộng từ trạng thái được thể hiện trên Fig.4(a). Fig.5(a) thể hiện trạng thái trước khi mang, và Fig.5(b) thể hiện trạng thái khi mang. Fig.6 là hình vẽ thể hiện dạng sơ đồ sản phẩm thấm hút ở trạng thái được mang trên người sử dụng.

Ở trạng thái mà ở đó sản phẩm thấm hút 10 được mang, nhờ sản phẩm thấm hút 10 được nằm xen bởi hai chân, lực được tác động bởi các chân hướng về phía trong theo hướng chiều rộng W trong vùng đũng S3. Như được thể hiện trên Fig.4, trong trường hợp mà ở đó lực được tác động vào bộ phận thấm hút của vùng đũng S3 hướng về phía trong theo hướng chiều rộng W, rãnh bên 52 của lõi thấm hút 50 bị biến dạng, vùng thứ hai R2 được di chuyển tới phía trong theo hướng chiều rộng W (mũi tên A trên Fig.4(a)), và chiều dài của bộ phận thấm hút theo hướng chiều rộng W được ngắn lại. Lõi thấm hút 50 có thể đi tới phía trong theo hướng

chiều rộng bởi rãnh bên 52 trong vùng đũng S3. Do chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng trong vùng đũng S3 được ngắn lại, lõi thấm hút 50 được chứa dễ dàng trong không gian đũng, và có thể làm giảm sự khó chịu khi mang.

Vùng trước S1 của sản phẩm thấm hút 10 được bố trí để bao bọc bụng và phần bẹn của cơ thể. Do đó, bộ phận thấm hút bị biến dạng để nằm dọc theo cơ thể, và phần bên của lõi thấm hút theo hướng chiều rộng được định vị gần hơn tới phía bề mặt tiếp xúc với da hơn phần giữa của lõi thấm hút theo hướng chiều rộng. Lõi thấm hút 50 trong vùng trước S1 có phần dẫn hướng biến dạng 54. Phần dẫn hướng biến dạng 54 kéo dài tới phía ngoài theo hướng chiều rộng hướng về phía trước. Như được thể hiện trên Fig.5(b), lõi thấm hút 50 có thể được biến dạng để nằm dọc theo phần bẹn với phần dẫn hướng biến dạng 54 là điểm góc. Tại thời điểm này, trong trường hợp mà ở đó chiều dài của phần dẫn hướng biến dạng 54 theo hướng chiều rộng quá lớn, chiều dài của phần nơi mà lõi thấm hút 50 bị biến dạng theo hướng chiều rộng trở thành dài, chiều dài của phần nơi mà lõi thấm hút 50 được bố trí dọc theo cơ thể trở thành ngắn, và có lo ngại rằng sự rò rỉ xảy ra trong vùng trước S1. Tuy nhiên, do chiều rộng của phần dẫn hướng biến dạng 54 nhỏ hơn chiều rộng của rãnh bên 52, có thể đảm bảo chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng trong vùng trước S1, và làm giảm sự rò rỉ trong vùng trước S1. Như được thể hiện trên Fig.6, có thể khớp vừa lõi thấm hút 50 để nằm dọc theo phần bẹn của người sử dụng đồng thời làm giảm sự rò rỉ trong vùng trước S1.

Để làm giảm sự khó chịu khi mang trong vùng đũng S3 và để thu được khả năng khớp vừa một cách hiệu quả lõi thấm hút để nằm dọc theo phần bẹn của người sử dụng đồng thời làm giảm sự rò rỉ trong vùng trước S1, chiều rộng của phần dẫn hướng biến dạng 54 có thể bằng $1/2$ hoặc nhỏ hơn chiều rộng của rãnh bên 52. Có thể làm giảm khoảng cách dịch chuyển tới phía trong theo hướng chiều rộng trong vùng trước S1 đồng thời đảm bảo khoảng cách dịch

chuyển tới phía trong theo hướng chiều rộng bởi rãnh bên 52.

Rãnh ở giữa 55 được định vị giữa các rãnh bên 52 theo hướng chiều rộng W, và có thể kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Rãnh ở giữa 55 có thể nằm cách xa rãnh bên 52 theo hướng chiều rộng, hoặc có thể được nằm cách với phần dẫn hướng biến dạng 54 theo hướng chiều rộng. Ít nhất một phần của rãnh ở giữa 55 có thể được bố trí trong vùng đứng S3. Mép trước 55F của rãnh ở giữa 55 có thể được bố trí trong vùng đứng S3, và mép sau 55R của rãnh ở giữa 55 có thể được bố trí trong vùng sau S2. Rãnh ở giữa 55 có thể nằm lệch ở phía sau rãnh bên 52, và mép trước 55F của rãnh ở giữa 55 có thể được định vị ở phía sau mép trước 52F của rãnh bên 52 và mép sau 54R của phần dẫn hướng biến dạng 54. Rãnh ở giữa 55 có thể kéo dài ít nhất theo hướng từ phía trước đến phía sau L, có thể nằm dọc theo hướng từ phía trước đến phía sau L, hoặc có thể có phần nghiêng tương đối với hướng từ phía trước đến phía sau L.

Vùng thứ nhất R1 được uốn một cách dễ dàng bởi rãnh ở giữa 55 theo hướng chiều dày T, và có thể còn làm ngắn chiều dài của toàn bộ bộ phận thấm hút theo hướng chiều rộng. Cụ thể hơn, trong trường hợp mà ở đó lực hướng về phía trong từ phía ngoài theo hướng chiều rộng được tác động khi mang, như được thể hiện bằng mũi tên C trên Fig.4(a), với mép ngoài (rãnh bên 52) của vùng thứ nhất R1 là điểm góc, lõi thấm hút 50 được biến dạng một cách dễ dàng sao cho mép trong của vùng thứ nhất R1 được hướng về phía bề mặt tiếp xúc với da. Do đó, chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng có thể được ngắn lại. Lõi thấm hút 50 trong vùng đứng S3 bị biến dạng để có hình dạng lõi với phần giữa theo hướng chiều rộng của lõi thấm hút 50 như một đỉnh, và chiều dài của toàn bộ lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng còn có thể được ngắn lại. Như được thể hiện trên Fig.4(a), sự biến dạng của bộ phận thấm hút bởi sản phẩm thấm hút 10 đang nằm xen bởi hai chân có thể là biến dạng thành hình dạng lõi có phần giữa

của bộ phận thấm hút theo hướng chiều rộng như một đỉnh, hoặc vùng thứ hai R2 có thể được di chuyển trượt tới phía trong theo hướng chiều rộng mà không có bộ phận thấm hút được biến dạng theo hướng chiều dày T. Thậm chí khi biến dạng ở nơi mà vùng thứ hai R2 được di chuyển trượt, chiều dài của rãnh bên 52 theo hướng chiều rộng và chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng được ngăn lại.

Thêm vào đó, trong trường hợp mà ở đó sản phẩm thấm hút 10 được sử dụng, đệm thấm hút có thể được sử dụng bằng cách được đặt chồng ở phía bề mặt tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút 10. Tại thời điểm này, trong vùng đứng S3, nhờ vùng thứ hai R2 của lõi thấm hút 50 di chuyển tới phía bề mặt tiếp xúc với da T1 của vùng thứ nhất R1, bề mặt tiếp xúc với da của lõi thấm hút 50 được kéo lên hướng về phía người sử dụng, và đệm thấm hút có thể được bố trí gần với bề mặt tiếp xúc với da. Có thể làm giảm tiếp sự rò rỉ nhờ lắp khớp đệm thấm hút vào cơ thể. Trong vùng trước S1, vùng thứ tư bị biến dạng sao cho vùng thứ tư được nâng lên tới phía bề mặt tiếp xúc với da tương đối với vùng thứ ba với phần dẫn hướng biến dạng 54 là điểm góc. Nhờ bố trí đệm thấm hút trong vùng thứ ba, có thể giữ mép ngoài của đệm thấm hút nhờ sự đặt xen của nó bởi vùng thứ tư. Nhờ đó, ở trạng thái giữ đệm thấm hút, do lõi thấm hút 50 bị biến dạng dọc theo phần bên, có thể bố trí đệm thấm hút dọc theo vùng trong phần bên.

Như được thể hiện trên Fig.2, rãnh bên 52 có thể gồm phần hẹp phía sau 58 trong đó chiều dài của rãnh bên 52 theo hướng chiều rộng được ngăn lại hướng về phía sau. Mép trước 58F của phần hẹp phía sau 58 có thể được định vị ở phía sau từ phần giữa 52CL của rãnh bên 52 theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Mép sau 58R của phần hẹp phía sau 58 có thể tới mép sau 52R của rãnh bên 52. Mép ngoài của rãnh bên 52 theo phương án này của sáng chế có dạng đường thẳng kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau L, và mép trong của rãnh bên 52

được làm cong ở phía ngoài theo hướng chiều rộng W trong phần hẹp phía sau 58. Do rãnh bên 52 bao gồm phần hẹp phía sau 58, khi mang, chiều dài mà tại đó lõi thấm hút 50 trong vùng đứng S3 ngắn hơn theo hướng chiều rộng W được ngăn lại hướng về phía sau. Nghĩa là, để đảm bảo chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng trong vùng xác định bao gồm mép sau 52R của rãnh bên 52. Có thể đảm bảo chiều dài của lõi thấm hút 50 được định vị ở phía hông theo hướng chiều rộng, để bao bọc các hông bởi lõi thấm hút 50, và làm giảm sự rò rỉ trong vùng tương ứng với các hông. Có thể rút ngắn chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng W bởi rãnh bên 52 và giảm sự rò rỉ trong vùng tương ứng với các hông bởi lõi thấm hút 50 đồng thời thu được hiệu quả là làm giảm sự khó chịu.

Rãnh bên 52 có thể gồm phần hẹp phía trước 57 trong đó chiều dài của rãnh bên 52 theo hướng chiều rộng được ngăn lại hướng về phía trước. Mép trước 57F của phần hẹp phía trước 57 có thể tới mép trước 52F của rãnh bên 52, và mép sau 57R của phần hẹp phía trước 57 có thể được định vị ở phía trước từ phần giữa theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Mép ngoài của rãnh bên 52 theo phương án có dạng đường thẳng kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau L, và mép trong của rãnh bên 52 được làm cong vào phía ngoài theo hướng chiều rộng W trong phần hẹp phía trước 57. Do rãnh bên 52 bao gồm phần hẹp phía trước 57, khi mang, chiều dài mà tại đó lõi thấm hút 50 trong vùng đứng S3 ngắn hơn theo hướng chiều rộng W được ngăn lại hướng về phía trước. Nghĩa là, để đảm bảo chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng W trong vùng xác định bao gồm mép trước 52F của rãnh bên 52. Có thể đảm bảo chiều dài của lõi thấm hút 50 được định vị ở phía đầu ra nước tiểu theo hướng chiều rộng W và giảm sự rò rỉ trong vùng có nước tiểu.

Rãnh bên 52 bao gồm phần rộng 53. Phần rộng 53 được định vị giữa phần

hẹp phía trước 57 và phần hẹp phía sau 58 của rãnh bên 52. Trong phần rộng 53, mép ngoài và mép trong của rãnh bên 52 là thẳng dọc theo hướng từ phía trước đến phía sau L, và chiều rộng của rãnh bên 52 là không đổi. Phần rộng 53 có thể gồm khoảng cách theo hướng chiều rộng W của chiều dài hoặc lớn hơn của vùng thứ hai R2 theo hướng chiều rộng W. Chiều dài của phần rộng 53 theo hướng chiều rộng W có thể bằng hoặc lớn hơn chiều dài của vùng thứ hai R2 liền kề phần rộng 53 theo hướng chiều rộng W, ở trạng thái được kéo dài của sản phẩm thấm hút 10. Ít nhất một phần của phần rộng 53 có thể được bố trí trong vùng đứng S3, và toàn bộ vùng của phần rộng 53 theo hướng từ phía trước đến phía sau L có thể được bố trí trong vùng đứng S3. Phần giữa 53CL của phần rộng 53 theo hướng từ phía trước đến phía sau L được định vị ở phía trước hơn phần giữa 10CL của sản phẩm thấm hút 10 theo hướng từ phía trước đến phía sau L, hoặc có thể được định vị ở phía trước hơn phần giữa của vùng đứng S3 theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Do chiều dài của phần rộng của rãnh bên 52 theo hướng chiều rộng bằng hoặc lớn hơn chiều dài của vùng bên theo hướng chiều rộng, rãnh bên 52 trên toàn bộ vùng bên theo hướng chiều rộng có thể đi tới phía trong theo hướng chiều rộng. Do chiều dài của bộ phận thấm hút theo hướng chiều rộng được ngắn lại, lõi thấm hút 50 được chứa dễ dàng trong không gian đứng, và có thể làm giảm sự khó chịu khi mang.

Chiều dài lớn nhất của vùng thứ ba R3 theo hướng chiều rộng W có thể lớn hơn chiều dài lớn nhất của vùng thứ nhất R1 theo hướng chiều rộng. Vùng thứ ba R3 được nằm xen bởi phần dẫn hướng biến dạng 54 có thể đảm bảo khoảng cách theo hướng chiều rộng W từ vùng thứ nhất R1 được nằm xen bởi các rãnh bên 52, và có thể bao bọc cơ thể với lõi thấm hút 50 trong một vùng lớn. Có thể đảm bảo chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng trong vùng trước S1, và làm giảm sự rò rỉ trong vùng trước S1.

Rãnh bên 52 được định vị ở phía trong theo hướng chiều rộng từ mép ngoài 50S của lõi thấm hút 50, và có thể không cần tới mép ngoài 50S của lõi thấm hút 50. Theo kết cấu này, vật liệu thấm hút có mặt ở phía ngoài của rãnh bên 52 theo hướng chiều rộng W. Có thể giữ các dịch thể bị lan tràn bởi rãnh bên 52 nhờ vật liệu thấm hút, và làm giảm sự rò rỉ sang bên.

Mép sau 52R của rãnh bên 52 được định vị trong vùng đứng S3, và rãnh bên 52 có thể không cần tới vùng sau S2. Nhờ kết cấu này, vùng, trong đó chiều dài của bộ phận thấm hút theo hướng chiều rộng W được ngăn lại, có thể trở nên khó tới được vùng sau S2, và lõi thấm hút 50 ở vùng sau S2 được áp đáng kể vào cơ thể, dẫn tới làm giảm sự rò rỉ.

Phần dẫn hướng biến dạng 54 được định vị ở phía trong theo hướng chiều rộng từ mép ngoài 50S của lõi thấm hút 50, và không cần tới mép ngoài 50S của lõi thấm hút 50. Theo kết cấu này, có thể áp mép ngoài của lõi thấm hút 50 vào cơ thể theo dạng phẳng mà không có sự biến dạng của mép ngoài của lõi thấm hút 50 bởi phần dẫn hướng biến dạng 54. Do đó, có thể làm giảm tiếp sự rò rỉ trong vùng trước S1. Thêm vào đó, ở dạng trong đó phần dẫn hướng biến dạng 54 được cấu tạo bởi các rãnh, vật liệu thấm hút có mặt ở phía ngoài của phần dẫn hướng biến dạng 54 theo hướng chiều rộng. Có thể giữ các dịch thể bị lan tràn bởi phần dẫn hướng biến dạng 54 nhờ vật liệu thấm hút, và làm giảm sự rò rỉ sang bên.

Sản phẩm thấm hút chịu lực mà được kéo lên hướng về mặt tiếp xúc với da bởi phần co 61 của phần chun chống rò rỉ khi mang. Phần co 61 của phần chun chống rò rỉ có thể xếp chồng với vùng thứ hai R2 theo hướng chiều dày T ở trạng thái được kéo dài của sản phẩm thấm hút. Nhờ đang nằm xen bởi các chân khi mang, lực hướng về phía trong theo hướng chiều rộng được tác động vào lõi thấm hút 50. Tại thời điểm này, vùng thứ hai của lõi thấm hút 50 được kéo tới phía trong theo hướng chiều rộng và phía bề mặt tiếp xúc với da bởi sự co của phần co

61. Trong trường hợp mà ở đó lực hướng về phía trong theo hướng chiều rộng được tác động khi mang, vùng thứ hai R2 được kéo tới phía bề mặt tiếp xúc với da T1 (mũi tên B từ phía ngoài tới phía trong theo hướng chiều rộng trên Fig.4(a)) của vùng thứ nhất R1 và tới phía trong theo hướng chiều rộng (mũi tên A trên Fig.4(a)). Do đó, vùng thứ hai R2 được di chuyển tới phía bề mặt tiếp xúc với da T1 của vùng thứ nhất R1 và tới phía trong theo hướng chiều rộng W, và chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng có thể được ngắn lại. Ở trạng thái được thể hiện trên Fig.4(a), vùng thứ hai R2 được di chuyển tiếp tới phía bề mặt tiếp xúc với da T1 của vùng thứ nhất R1 và phía trong theo hướng chiều rộng W, và nhờ đó đến trạng thái được thể hiện trên Fig.4(b). Ở trạng thái được thể hiện trên Fig.4 (b), vùng thứ nhất R1 và vùng thứ hai R2 xếp chồng với nhau theo hướng chiều dày T, và chiều dài của bộ phận thấm hút theo hướng chiều rộng còn được co ngắn.

Phần co 61 của phần chun chống rò rỉ có thể xếp chồng với phần dẫn hướng biến dạng 54 theo hướng chiều dày T ở trạng thái được kéo dài của sản phẩm thấm hút. Phần dẫn hướng biến dạng 54 được kéo tới phía bề mặt tiếp xúc với da bởi sự co của phần co 61. Lõi thấm hút 50 bị biến dạng theo hướng chiều dày T với phần dẫn hướng biến dạng 54 là điểm gốc, và phần biến dạng có thể được bố trí gần với cơ thể. Do đó, lõi thấm hút 50 được khớp vừa hơn vào cơ thể, và sự rò rỉ có thể được giảm.

Phần co 61 của phần chun chống rò rỉ có thể không xếp chồng với vùng ở phía trước từ phần giữa của phần dẫn hướng biến dạng 54 theo hướng từ phía trước đến phía sau L ở trạng thái được kéo dài của sản phẩm thấm hút, nhưng có thể xếp chồng với vùng ở phía sau từ phần giữa của phần dẫn hướng biến dạng 54 theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Vùng ở phía sau từ phần giữa của phần dẫn hướng biến dạng 54 theo hướng từ phía trước đến phía sau L được kéo lên tới

phía bề mặt tiếp xúc với da bởi sự co của phần co 61, và dễ dàng nằm dọc theo cơ thể. Mặt khác, vùng ở phía trước từ phần giữa của phần dẫn hướng biến dạng 54 theo hướng từ phía trước đến phía sau L hầu như không bị kéo lên tới phía bề mặt tiếp xúc với da bởi sự co của phần co 61, duy trì hình dạng phẳng, và dễ dàng được bố trí để bao bọc cơ thể. Nhờ bố trí lõi thấm hút 50 bao bọc cơ thể, sự rò rỉ có thể được giảm.

Phần nền thứ nhất 62a được định vị ở phía ngoài của phần co 61 theo hướng chiều rộng W, của phần nền 62 tạo nên phần chun chống rò rỉ 60 có thể xếp chồng với vùng thứ hai R2 theo hướng chiều dày T ở trạng thái được kéo dài của sản phẩm thấm hút. Phần nền thứ nhất 62a được định vị ở phía ngoài của phần co 61 theo hướng chiều rộng W được kéo tới phía trong theo hướng chiều rộng W và phía bề mặt tiếp xúc với da T1 bởi sự co của phần co 61.

Ở trạng thái được kéo dài của sản phẩm thấm hút được thể hiện trên Fig.1, mép trong của phần co 61 của phần chun chống rò rỉ 60 có thể xếp chồng với phần rộng 53 của rãnh bên 52 theo hướng chiều dày T. Do phần co 61 xếp chồng với phần rộng 53 theo hướng chiều dày T, lực để kéo phần rộng 53 tới phía trong theo hướng chiều rộng W và phía bề mặt tiếp xúc với da T1 được tạo ra. Trong trường hợp mà ở đó lực từ phía ngoài tới phía trong theo hướng chiều rộng được tác động khi mang, như được thể hiện bằng mũi tên B trên Fig.4(a), vùng thứ hai R2 dễ dàng được kéo tới phía bề mặt tiếp xúc với da của vùng thứ nhất R1 và tới phía trong theo hướng chiều rộng. Do đó, vùng thứ hai R2 được di chuyển tới phía bề mặt tiếp xúc với da của vùng thứ nhất R1 và phía trong theo hướng chiều rộng, và chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng còn được co ngắn một cách dễ dàng.

Ở phía ngoài của vùng thứ hai R2 theo hướng chiều rộng, đoạn quanh chi tiết đàn hồi 67 mà co theo hướng từ phía trước đến phía sau L có thể được tạo ra.

Trong trường hợp mà ở đó vùng thứ hai R2 được kéo lên tới phía bề mặt tiếp xúc với da T1 bởi sự co của đoạn quanh chi tiết đàn hồi 67 và lực từ phía ngoài tới phía trong theo hướng chiều rộng được tác động khi mang, vùng thứ hai R2 được di chuyển dễ dàng tới phía bề mặt tiếp xúc với da T1 của vùng thứ nhất R1 và tới phía trong theo hướng chiều rộng. Do đó, chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng có thể được ngăn lại.

Trên đường tưởng tượng kéo dài theo hướng chiều rộng ngang qua phần rộng 53 (chẳng hạn, FL1), chiều dài của vùng thứ hai R2 theo hướng chiều rộng W có thể lớn hơn chiều dài của vùng thứ nhất R1 theo hướng chiều rộng W. Trong trường hợp mà ở đó vùng thứ hai R2 được di chuyển tới phía trong theo hướng chiều rộng và phía bề mặt tiếp xúc với da T1 của vùng thứ nhất R1, vùng thứ nhất R1 và vùng thứ hai R2 xếp chồng với nhau, và chiều dài của toàn bộ lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng có thể được ngăn lại. Do chiều dài của vùng thứ hai R2 theo hướng chiều rộng là lớn hơn chiều dài của vùng thứ nhất R1 theo hướng chiều rộng, vùng thứ hai R2 có thể được thích ứng dễ dàng trong khoảng của của vùng thứ nhất R1 theo hướng chiều rộng, và chiều dài của toàn bộ lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng có thể được ngăn lại. Đường tưởng tượng FL1 là đường thẳng kéo dài dọc theo hướng chiều rộng, và là đường thẳng được bố trí để xếp chồng với phần rộng 53. Đường tưởng tượng FL1 có thể xếp chồng với ít nhất một phần của vùng từ mép trước tới mép sau của phần rộng 53.

Tốt hơn nữa nếu, trên đường tưởng tượng FL1 kéo dài theo hướng chiều rộng ngang qua phần rộng 53, chiều dài của vùng thứ hai R2 theo hướng chiều rộng có thể bằng $1/2$ hoặc nhỏ hơn chiều dài của vùng thứ nhất R1 theo hướng chiều rộng. Trong trường hợp mà ở đó vùng thứ hai R2 được di chuyển tới phía trong theo hướng chiều rộng và tới phía bề mặt tiếp xúc với da của vùng thứ nhất R1, vùng thứ hai R2 xếp chồng với vùng thứ nhất R1. Tại thời điểm này, do chiều

dài của vùng thứ hai R2 theo hướng chiều rộng bằng 1/2 hoặc nhỏ hơn chiều dài của vùng thứ nhất R1 theo hướng chiều rộng, thậm chí nếu toàn bộ vùng thứ hai R2 được di chuyển tới phía trong theo hướng chiều rộng để xếp chồng với vùng thứ nhất R1, có thể ngăn không cho vùng thứ hai R2 xếp chồng với nhau. Do đó, có thể ngăn ngừa sự tăng cục bộ chiều dày của lõi thấm hút 50 do sự xếp chồng của vùng thứ hai R2. Do đó, sự tập trung áp lực do sự tăng cục bộ chiều dày của lõi thấm hút 50 hầu như không xảy ra, và có thể làm giảm sự xấu đi của cảm giác mang.

Lõi thấm hút 50 có thể gồm phần thắt 51 có khoảng cách theo hướng chiều rộng W ngắn hơn chiều rộng lớn nhất của lõi thấm hút 50. Vùng có chiều rộng lớn nhất bằng 50M của lõi thấm hút 50 được bố trí ngang qua vùng trước S1 và vùng đứng S3, và được bố trí ngang qua vùng sau S2 và vùng đứng S3. Phần thắt 51 của lõi thấm hút 50 có thể được bố trí trong vùng đứng S3. Do chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng W của vùng đứng S3 được nằm xen trong không gian đứng của người sử dụng là ngắn, lõi thấm hút 50 được chứa dễ dàng trong không gian đứng của người sử dụng, khiến cho sự khó chịu khi mang có thể được giảm. Phần giữa 51CL của phần thắt 51 theo hướng từ phía trước đến phía sau L có thể được bố trí ở phía trước từ phần giữa 10CL của sản phẩm thấm hút 10 theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Dễ dàng thu được hiệu quả rút ngắn chiều dài của bộ phận thấm hút theo hướng chiều rộng W ở phía trước sản phẩm thấm hút 10.

Phần rộng 53 có thể được bố trí trong vùng nơi mà phần thắt 51 được tạo ra theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Nhờ lõi thấm hút 50 đang nằm xen bởi các chân, chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng trong phần thắt 51 được ngăn lại bởi sự biến dạng của phần rộng 53. Lõi thấm hút 50 khớp vừa dễ dàng trong không gian đứng, và có thể làm giảm sự khó chịu khi mang.

Tiếp theo, sản phẩm thấm hút 10X theo phương án thứ hai sẽ được mô tả. Dưới đây, trong phần mô tả phương án thứ hai, các số chỉ dẫn giống nhau được sử dụng để biểu thị các bộ phận giống với các bộ phận theo phương án thứ nhất, và việc mô tả chúng sẽ được bỏ qua. Sản phẩm thấm hút theo phương án thứ hai được tạo kết cấu sao cho sản phẩm thấm hút có thể được căn thẳng ở vị trí thích hợp tương đối với người sử dụng. Nói chung, trong trường hợp mà ở đó sản phẩm thấm hút được mang trên người mang lớn tuổi ở trạng thái ngủ, sự trợ giúp mang khiến sản phẩm thấm hút sẽ được mang trên người sử dụng ở trạng thái đang định vị ở phía bề mặt bên của người sử dụng mà không đang định vị ở phía trước người sử dụng. Ở trạng thái trong đó sự trợ giúp mang được định vị ở phía bề mặt bên của người sử dụng, khó nhận ra bằng mắt rốn của người sử dụng, và khó thực hiện căn thẳng sản phẩm thấm hút trong một số trường hợp. Do đó, ở sản phẩm thấm hút theo giải pháp đã biết, trong một số trường hợp, không thể căn thẳng sản phẩm thấm hút tương đối với người sử dụng ở vị trí thích hợp.

Thêm vào đó, trong trường hợp mà ở đó sự trợ giúp mang được định vị ở phía bề mặt bên của người sử dụng khiến sản phẩm thấm hút kiểu băng sẽ được mang, chẳng hạn, bụng của người sử dụng được bao bọc bởi vùng bao bọc eo trước ở trạng thái trong đó vùng bao bọc eo sau được nằm dưới cơ thể của người sử dụng, và tiếp đó, băng gắn chặt được định vị ở phía ngoài theo hướng chiều rộng trong vùng bao bọc eo sau được kéo vào phía ngoài theo hướng chiều rộng để gắn chặt băng gắn chặt vào vùng bao bọc eo trước. Tại thời điểm này, vị trí của sản phẩm thấm hút theo hướng chiều rộng được làm lệch nhờ sự trợ giúp mang kéo băng gắn chặt ở phía ngoài theo hướng chiều rộng. Thậm chí nếu sự trợ giúp mang có hiệu chỉnh sự lệch của sản phẩm thấm hút theo hướng chiều rộng, điểm giữa bị che giấu bởi sản phẩm thấm hút, và trở nên khó thực hiện căn thẳng tương đối với rốn của người sử dụng trong một số trường hợp. Do đó, ở sản phẩm thấm

hút ở giải pháp đã biết, trong một số trường hợp, không thể cân bằng sản phẩm thấm hút tương đối với người sử dụng ở vị trí thích hợp. Nhằm khắc phục các vấn đề nêu trên, sáng chế được đề xuất nhằm khắc phục các vấn đề nêu trên, và được tạo kết cấu sao cho sản phẩm thấm hút có thể được cân bằng tương đối với người sử dụng ở vị trí thích hợp.

Fig.7 là hình chiếu bằng của sản phẩm thấm hút theo phương án thứ hai được nhìn từ phía bề mặt không tiếp xúc với da. Fig.8 là hình chiếu bằng của lõi thấm hút theo phương án thứ hai được nhìn từ phía bề mặt tiếp xúc với da. Fig.9 là hình vẽ mặt cắt ngang theo đường A-A được thể hiện trên Fig.1 ở sản phẩm thấm hút theo phương án thứ hai. Fig.10 là hình vẽ thể hiện bộ phận thấm hút ở mặt cắt theo đường B-B được thể hiện trên Fig.1 ở sản phẩm thấm hút theo phương án thứ hai. Khía cạnh trong đó sản phẩm thấm hút theo phương án thứ hai được mang trên người sử dụng là giống với khía cạnh được thể hiện trên Fig.6 theo phương án thứ nhất.

Lõi thấm hút theo phương án thứ hai có phần đánh dấu phía trước. Phần đánh dấu phía trước là dấu để thực hiện sự cân bằng trên phần bẹn của người sử dụng khi mang, và có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt tiếp xúc với da T1 và phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của sản phẩm thấm hút. Phần đánh dấu phía trước theo phương án này của sáng chế được tạo ra trên lõi thấm hút 50 và được cấu tạo bởi rãnh phụ 54. Rãnh phụ 54 là giống với rãnh tạo nên phần dẫn hướng biến dạng trong phương án thứ nhất, và sử dụng các số chỉ dẫn giống nhau.

Rãnh phụ 54 có tác dụng như phần đánh dấu phía trước được tạo kết cấu để có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt tiếp xúc với da T1 của sản phẩm thấm hút qua tấm bề mặt tiếp xúc với da 41, và được tạo kết cấu để có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của sản phẩm thấm hút 10X qua tấm bề mặt không tiếp xúc với da 42. “Có thể nhận ra bằng mắt” theo sáng chế có nghĩa là

người có thị lực tốt (1,0 hoặc lớn hơn) ở cả hai mắt có thể nhận ra bằng mắt vật ở khoảng cách bằng khoảng từ 30 đến 50cm trong phòng được chiếu sáng bằng ánh sáng trắng tự nhiên (nhiệt độ màu bằng từ 4600 đến 5400 K (Kelvin)) (tham chiếu: từ 500 đến 750 lx (Lux)). Rãnh theo phương án thứ hai có thể gồm hai rãnh phụ 54, hai rãnh bên 52, và rãnh ở giữa 55. Rãnh bên 52 tạo phần đánh dấu chun của sáng chế.

Như được thể hiện trên Fig.8, lõi thấm hút 50 có thể gồm vùng thứ nhất R1 được nằm xen bởi hai rãnh bên 52, vùng thứ hai R2 được định vị giữa các rãnh bên 52 và mép ngoài 50S của lõi thấm hút 50, vùng thứ ba R3 được nằm xen bởi hai rãnh phụ 54, và vùng thứ tư R4 được định vị giữa rãnh phụ 54 và mép ngoài của lõi thấm hút 50. Trên Fig.8, các đường vạch nghiêng khác nhau được ứng dụng cho vùng thứ nhất R1, vùng thứ hai R2, vùng thứ ba R3, và vùng thứ tư R4. Vùng thứ hai R2 được định vị ở phía ngoài của mỗi rãnh bên 52 theo hướng chiều rộng W và được bố trí thành cặp. Vùng thứ nhất R1 và vùng thứ hai R2 là các vùng kéo dài dọc theo hướng chiều rộng W từ rãnh bên 52, và vùng thứ ba R3 được định vị ở phía ngoài của mỗi rãnh phụ 54 theo hướng chiều rộng W, và được tạo ra thành cặp. Vùng thứ ba R3 và vùng thứ tư R4 là các vùng kéo dài dọc theo hướng chiều rộng W từ rãnh phụ 54.

Rãnh phụ 54 có thể được tạo kết cấu để làm biến dạng lõi thấm hút 50 theo hướng chiều dày T. Lõi thấm hút 50 được tạo kết cấu để được biến dạng với rãnh phụ 54 là điểm gốc khi chịu lực khi mang. Rãnh phụ 54 có thể được định vị ở phía trước rãnh bên 52, hoặc có thể được bố trí ít nhất trong vùng trước S1. Mép trước 54F của rãnh phụ 54 có thể được bố trí trong vùng trước S1, và mép sau 54R của rãnh phụ 54 có thể được bố trí trong vùng đống S3. Ít nhất một phần của rãnh phụ 54 kéo dài tới phía ngoài theo hướng chiều rộng W hướng về phía trước trong vùng trước S1.

Mặc dù phần đánh dấu phía trước theo phương án này của sáng chế được tạo kết cấu bởi rãnh phụ 54, phần đánh dấu phía trước không bị giới hạn ở điều đó. Phần đánh dấu phía trước có thể được tạo kết cấu để có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt tiếp xúc với da T1 và phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của sản phẩm thấm hút 10X, hoặc có thể được tạo bởi ít nhất một trong số vùng trọng lượng cơ sở thấp trong đó trọng lượng cơ sở của chất liệu thấm hút của lõi thấm hút 50 thấp hơn xung quanh, phần ép trong đó lõi thấm hút 50 được ép theo hướng chiều dày T, rãnh được tạo ra ở lõi thấm hút 50, và có độ cứng khác với lõi thấm hút 50.

Phần đánh dấu phía trước theo phương án này của sáng chế được cấu tạo bởi rãnh phụ 54, và liên tục với rãnh bên 52 tạo nên phần đánh dấu chun. Rãnh phụ 54 có thể được làm liền khối với rãnh bên 52, hoặc có thể được nằm cách từ đó. Mép sau 54R của rãnh phụ 54 có thể liên tục với mép trước 52F của rãnh bên 52. Mép sau 54R của rãnh phụ 54 có thể được định vị ở phía trước từ phần giữa của sản phẩm thấm hút 10X theo hướng từ phía trước đến phía sau L, hoặc có thể được định vị ở phía trước từ phần giữa của lõi thấm hút 50 theo hướng từ phía trước đến phía sau L.

Rãnh phụ 54 tạo nên phần đánh dấu phía trước kéo dài tới phía ngoài theo hướng chiều rộng W hướng về phía trước, và có thể được bố trí dọc theo phần bẹn của người sử dụng. Phần bẹn hầu như không bị che giấu bởi vải hoặc sản phẩm thấm hút mà đang mang, và có thể được nhìn thấy từ sự trợ giúp mang được định vị ở phía bên của người sử dụng. Do đó, khi mang, có thể căn thẳng rãnh phụ 54 tương đối với phần bẹn của người sử dụng, và căn thẳng sản phẩm thấm hút 10X ở vị trí thích hợp. Thêm vào đó, sau khi mang, có thể nhận ra bằng mắt rãnh phụ 54 từ phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của sản phẩm thấm hút 10X, và xác nhận xem liệu rãnh phụ 54 đã ở vị trí tương ứng với phần bẹn hay chưa. Do đó, sự trợ

giúp mang có thể nắm được xem liệu sản phẩm thấm hút đã được mang ở vị trí chính xác từ phía bề mặt không tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút hay chưa.

Thêm vào đó, nhờ phần đánh dấu phía trước là rãnh phụ 54, lõi thấm hút 50 được biến dạng một cách dễ dàng khi mang với rãnh phụ 54 là điểm góc. Do đó, rãnh phụ 54 có thể được căn thẳng với phần bẹn, và rãnh phụ 54 có thể được bố trí dọc theo phần bẹn. Vì lý do này, có thể căn thẳng sản phẩm thấm hút ở vị trí thích hợp, và bố trí lõi thấm hút 50 dọc theo phần bẹn. Thêm vào đó, như được thể hiện trên Fig.6, nhờ lõi thấm hút 50 được biến dạng với rãnh phụ 54 là điểm góc, các nếp gấp xuất hiện quanh rãnh phụ 54 trên bề mặt tiếp xúc với da và bề mặt không tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút 10X. Các nếp gấp có tác dụng như đánh dấu, và rãnh phụ 54 thêm nữa được bố trí dễ dàng tương đối với phần bẹn.

Vùng trước S1 của sản phẩm thấm hút 10X bị biến dạng với rãnh phụ 54 là điểm góc. Rãnh phụ 54 kéo dài tới phía ngoài theo hướng chiều rộng hướng về phía trước, và bị biến dạng dọc theo phần bẹn. Vùng thứ ba R3 giữa rãnh phụ 54 bao bọc phần phồng của cơ thể trong phần bẹn, và vùng thứ tư R4 ở phía ngoài của rãnh phụ 54 theo hướng chiều rộng W uốn cong hướng về phía bề mặt tiếp xúc với da T1 tương đối với vùng thứ ba R3. Vùng trước S1 bị biến dạng theo dạng cong để bao bọc cơ thể ở mặt cắt dọc theo hướng chiều rộng W.

Như được thể hiện trên Fig.10, tấm bề mặt tiếp xúc với da 41 và tấm bề mặt không tiếp xúc với da 42 có thể được nối với nhau trong vùng xếp chồng với rãnh phụ 54. Theo phương án này, phần bọc lõi 56 dưới dạng tấm bề mặt tiếp xúc với da 41 và phần bọc lõi 56 dưới dạng tấm bề mặt không tiếp xúc với da 42 được nối trong vùng xếp chồng với rãnh phụ 54. Do tấm bề mặt tiếp xúc với da 41 và tấm bề mặt không tiếp xúc với da 42 được nối với nhau, rãnh phụ 54 đến tiếp xúc sát với tấm bề mặt tiếp xúc với da 41 và tấm bề mặt không tiếp xúc với da 42, và khả

năng quan sát rãnh phụ 54 được cải thiện. Nhờ cải thiện khả năng nhìn thấy phần đánh dấu phía trước, sản phẩm thấm hút có thể được căn thẳng một cách dễ dàng ở vị trí thích hợp.

Thêm vào đó, để tăng cường khả năng quan sát rãnh phụ 54, có thể thực hiện xử lý ép trong đó việc ép theo hướng chiều dày T được thực hiện ở mép trong và mép ngoài của rãnh phụ 54. Bằng cách thực hiện xử lý ép ở mép trong và mép ngoài của rãnh phụ 54, khả năng nhìn thấy mép của rãnh phụ 54 được tăng lên, và có thể tăng cường khả năng nhìn thấy phần đánh dấu phía trước.

Lõi thấm hút 50 có thể gồm phần đánh dấu chun. Phần đánh dấu chun là dấu để thực hiện căn thẳng với đáy chậu của người sử dụng khi mang, và có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt tiếp xúc với da T1 và phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của sản phẩm thấm hút. Phần đánh dấu chun theo phương án này của sáng chế được tạo ra trên lõi thấm hút 50 và được cấu tạo bởi rãnh bên 52. Rãnh bên 52 có tác dụng như phần đánh dấu chun được tạo kết cấu để có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt tiếp xúc với da T1 của sản phẩm thấm hút 10X qua tấm bề mặt tiếp xúc với da 41, và được tạo kết cấu để có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của sản phẩm thấm hút 10X qua tấm bề mặt không tiếp xúc với da 42.

Mặc dù phần đánh dấu chun theo phương án này của sáng chế được tạo kết cấu bởi rãnh bên 52, phần đánh dấu chun không bị giới hạn ở điều đó. Phần đánh dấu chun có thể được tạo kết cấu để có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt tiếp xúc với da T1 và phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của sản phẩm thấm hút 10X, hoặc có thể được tạo bởi ít nhất một trong số vùng trọng lượng cơ sở thấp trong đó trọng lượng cơ sở của chất liệu thấm hút của lõi thấm hút 50 thấp hơn xung quanh, phần ép trong đó lõi thấm hút 50 được ép theo hướng chiều dày T, rãnh được tạo ra ở lõi thấm hút 50, và có độ cứng khác với lõi thấm hút 50.

Rãnh bên 52 có thể được bố trí ít nhất trong vùng đứng S3. Mép trước 52F của rãnh bên 52 có thể được bố trí trong vùng đứng S3, và mép sau 52R của rãnh bên 52 có thể được bố trí trong vùng đứng S3. Rãnh bên 52 có thể kéo dài ít nhất theo hướng từ phía trước đến phía sau L, có thể nằm dọc theo hướng từ phía trước đến phía sau L, hoặc có thể gồm phần nghiêng tương đối với hướng từ phía trước đến phía sau L. Chiều dài của rãnh bên 52 theo hướng chiều rộng W có thể không đổi hoặc có thể thay đổi. Rãnh bên 52 không được tạo ra ở phần giữa của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng W, và có thể được tạo theo cặp đối xứng tương đối với phần giữa của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng W.

Bằng cách tạo ra rãnh bên 52 trên lõi thấm hút 50, có thể thực hiện cân bằng tương đối với cơ thể bởi rãnh bên 52 ở phía đứng từ phần bên. Rãnh bên 52 kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau L, và khiến dễ dàng bố trí vùng đứng S3 dọc theo hướng từ phía trước đến phía sau L của cơ thể khi mang. Thêm vào đó, sau khi mang, có thể nắm được xem liệu vùng đứng S3 có được bố trí chính xác từ phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của sản phẩm thấm hút 10X hay không. Rãnh phụ 54 kéo dài tới phía ngoài theo hướng chiều rộng W, và rãnh bên 52 kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Do hướng mà theo đó rãnh phụ 54 kéo dài và hướng mà theo đó rãnh bên 52 kéo dài là khác nhau, đường biên có thể được chú ý. Vì lý do này, vùng cần được bố trí dọc theo phần bên dễ dàng nắm được, và sản phẩm thấm hút 10X được cân bằng dễ dàng hơn ở vị trí thích hợp.

Thêm vào đó, do phần đánh dấu chun là rãnh bên 52, lõi thấm hút 50 được biến dạng một cách dễ dàng với rãnh bên 52 là điểm gốc khi mang. Cụ thể hơn, ở trạng thái trong đó sản phẩm thấm hút 10X được mang, nhờ sản phẩm thấm hút 10X đang nằm xen bởi hai chân, lực hướng về phía trong theo hướng chiều rộng W được tác động vào vùng đứng S3 bởi các chân. Trong trường hợp mà ở đó lực

hướng về phía trong theo hướng chiều rộng W được tác động vào bộ phận thấm hút của vùng đứng S3, rãnh bên 52 của lõi thấm hút 50 bị biến dạng, vùng thứ hai R2 được di chuyển tới phía trong theo hướng chiều rộng W, và chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng W được ngắn lại. Lõi thấm hút 50 có thể đi tới phía trong theo hướng chiều rộng bởi rãnh bên 52 trong vùng đứng S3. Bằng cách co ngắn chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng trong vùng đứng S3, lõi thấm hút 50 được chứa dễ dàng trong không gian đứng, và có thể làm giảm sự khó chịu khi mang. Do đó, có thể thực hiện cân bằng tương đối với đáy chậu bởi rãnh bên 52, và bố trí vùng đứng S3 trong vùng nằm giữa hai chân. Vì lý do này, có thể cân bằng sản phẩm thấm hút ở vị trí thích hợp, và bố trí lõi thấm hút ở trạng thái nhỏ gọn thích hợp hơn cả.

Như được thể hiện trên Fig.9, trong vùng xếp chồng với rãnh bên 52, tấm bề mặt tiếp xúc với da 41 và tấm bề mặt không tiếp xúc với da 42 có thể được nối với nhau. Theo phương án này, phần bọc lõi 56 là tấm bề mặt tiếp xúc với da 41 và phần bọc lõi 56 là tấm bề mặt không tiếp xúc với da 42 được nối với nhau trong vùng xếp chồng với rãnh bên 52. Bởi tấm bề mặt tiếp xúc với da 41 và tấm bề mặt không tiếp xúc với da 42 được nối với nhau, rãnh bên 52 đến tiếp xúc sát với tấm bề mặt tiếp xúc với da 41 và tấm bề mặt không tiếp xúc với da 42, và khả năng quan sát rãnh bên 52 được cải thiện. Nhờ khả năng quan sát rãnh bên 52 được cải thiện, sản phẩm thấm hút được cân bằng dễ dàng hơn ở vị trí thích hợp.

Thêm vào đó, để tăng cường khả năng quan sát rãnh bên 52, có thể thực hiện xử lý ép trong đó việc ép theo hướng chiều dày T được thực hiện ở mép trong và mép ngoài của rãnh bên 52. Bằng cách thực hiện xử lý ép ở mép trong và mép ngoài của rãnh bên 52, khả năng nhìn thấy mép của rãnh bên 52 được tăng lên, và có thể tăng cường khả năng quan sát phân đánh dấu chun.

Chiều rộng của rãnh phụ 54 có thể ngắn hơn chiều rộng của rãnh bên 52.

Chiều rộng của rãnh bên 52 là khoảng cách theo hướng vuông góc với hướng dọc của rãnh bên 52, và là khoảng cách theo hướng chiều rộng ở rãnh bên 52 kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Tương tự, chiều rộng của rãnh phụ 54 là khoảng cách theo hướng vuông góc với hướng dọc của rãnh phụ 54, và là khoảng cách theo hướng chiều rộng ở rãnh phụ 54 kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Theo dạng mà ở đó rãnh bên 52 và rãnh phụ 54 được làm liền khối với nhau, đường biên giữa rãnh bên 52 và rãnh phụ 54 có thể là phần mà ở đó chiều rộng thay đổi. Theo kết cấu trong đó chiều rộng của rãnh bên 52 và chiều rộng của rãnh phụ 54 thay đổi, chiều rộng lớn nhất của rãnh phụ 54 có thể ngắn hơn chiều rộng lớn nhất của rãnh bên 52, và chiều rộng trung bình của rãnh phụ 54 có thể ngắn hơn chiều rộng trung bình của rãnh bên 52.

Rãnh phụ 54 là dấu để thực hiện căn thẳng tương đối với phần bẹn trong vùng trước S1, và được nhận ra dễ dàng hơn rãnh bên 52 được tạo ra trong vùng đũng S3. Do đó, thậm chí nếu chiều rộng của rãnh phụ 54 nhỏ hơn chiều rộng của rãnh bên 52, chức năng của phần đánh dấu phía trước dễ dàng được thể hiện. Thêm vào đó, nhờ chiều rộng của rãnh phụ 54 khác với chiều rộng của rãnh bên 52, sẽ trở nên dễ dàng trợ giúp mang để phân biệt rãnh phụ 54 và rãnh bên 52 và túm được của nó. Đường biên giữa rãnh phụ 54 và rãnh bên 52 được nhận biết, vùng cần được bố trí dọc theo phần bẹn dễ dàng được nhận biết, và sản phẩm thấm hút 10X có thể được căn thẳng dễ dàng hơn ở vị trí thích hợp.

Thêm vào đó, trong trường hợp mà ở đó chiều dài của rãnh phụ 54 theo hướng chiều rộng quá dài, khoảng cách theo hướng chiều rộng của phần nơi mà lõi thấm hút 50 bị biến dạng trở thành dài, chiều dài của phần nơi mà lõi thấm hút 50 được bố trí dọc theo cơ thể trở thành ngắn, và có lo ngại rằng sự rò rỉ xảy ra trong vùng trước S1. Tuy nhiên, do chiều rộng của rãnh phụ 54 nhỏ hơn chiều rộng của rãnh bên 52, có thể đảm bảo chiều dài của lõi thấm hút 50 trong vùng trước S1

theo hướng chiều rộng, và làm giảm sự rò rỉ trong vùng trước S1. Như được thể hiện trên Fig.6, có thể khớp vừa lõi thấm hút 50 để nằm dọc theo phần bên của người sử dụng đồng thời làm giảm sự rò rỉ trong vùng trước S1.

Để làm giảm sự khó chịu khi mang trong vùng đứng S3 và thu được hơn nữa khả năng khớp vừa một cách hiệu quả dọc theo phần bên của người sử dụng đồng thời làm giảm sự rò rỉ trong vùng trước S1, chiều rộng của rãnh phụ 54 có thể bằng 1/2 hoặc nhỏ hơn chiều rộng của rãnh bên 52. Có thể làm giảm khoảng cách dịch chuyển tới phía trong theo hướng chiều rộng trong vùng trước S1 đồng thời đảm bảo khoảng cách dịch chuyển tới phía trong theo hướng chiều rộng bởi rãnh bên 52.

Rãnh ở giữa 55 được định vị giữa các rãnh bên 52 theo hướng chiều rộng W, và có thể kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Rãnh ở giữa 55 có thể nằm cách xa rãnh bên 52 theo hướng chiều rộng, hoặc có thể nằm cách xa rãnh phụ 54 theo hướng chiều rộng. Ít nhất một phần của rãnh ở giữa 55 có thể được bố trí trong vùng đứng S3. Mép trước 55F của rãnh ở giữa 55 có thể được bố trí trong vùng đứng S3, và mép sau 55R của rãnh ở giữa 55 có thể được bố trí trong vùng sau S2. Rãnh ở giữa 55 có thể nằm lệch ở phía sau rãnh bên 52, và mép trước của rãnh ở giữa 55 có thể được định vị ở phía sau mép trước 52F của rãnh bên 52. Rãnh ở giữa 55 có thể kéo dài ít nhất theo hướng từ phía trước đến phía sau L, có thể nằm dọc theo hướng từ phía trước đến phía sau L, hoặc có thể có phần nghiêng tương đối với hướng từ phía trước đến phía sau L.

Vùng thứ nhất R1 được uốn một cách dễ dàng bởi rãnh ở giữa 55 theo hướng chiều dày T, và có thể còn làm ngắn chiều dài của toàn bộ bộ phận thấm hút theo hướng chiều rộng. Cụ thể hơn, trong trường hợp mà ở đó lực hướng về phía trong từ phía ngoài theo hướng chiều rộng được tác động khi mang, lõi thấm hút 50 được biến dạng một cách dễ dàng sao cho mép trong của vùng thứ

nhất R1 được hướng về phía bề mặt tiếp xúc với da, với mép ngoài (rãnh bên 52) của vùng thứ nhất R1 là điểm gốc. Do đó, chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng có thể được ngăn lại. Lõi thấm hút 50 trong vùng đũng S3 bị biến dạng để có hình dạng lõi với phần giữa theo hướng chiều rộng của lõi thấm hút 50 như một đỉnh, và chiều dài của toàn bộ lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng còn có thể được ngăn lại.

Thêm vào đó, trong trường hợp sử dụng sản phẩm thấm hút 10X, đệm thấm hút có thể được sử dụng nhờ được đặt chồng ở phía bề mặt tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút 10X. Tại thời điểm này, trong vùng đũng S3, nhờ vùng thứ hai R2 của lõi thấm hút 50 di chuyển tới phía bề mặt tiếp xúc với da T1 của vùng thứ nhất R1, bề mặt tiếp xúc với da của lõi thấm hút 50 được kéo lên hướng về phía người sử dụng, và đệm thấm hút có thể được bố trí gần với bề mặt tiếp xúc với da. Có thể làm giảm tiếp sự rò rỉ nhờ lắp khớp đệm thấm hút vào cơ thể. Trong vùng trước S1, vùng thứ tư R4 bị biến dạng để nâng lên tới phía bề mặt tiếp xúc với da tương đối với vùng thứ ba R3 với rãnh phụ 54 là điểm gốc. Nhờ bố trí đệm thấm hút trong vùng thứ ba, có thể giữ mép ngoài của đệm thấm hút nhờ sự đặt xen của nó bởi vùng thứ tư. Nhờ đó, ở trạng thái giữ đệm thấm hút, do lõi thấm hút 50 bị biến dạng dọc theo phần bên, có thể bố trí đệm thấm hút dọc theo vùng trong phần bên.

Chiều dài lớn nhất của vùng thứ ba R3 theo hướng chiều rộng W có thể lớn hơn chiều dài lớn nhất của vùng thứ nhất R1 theo hướng chiều rộng. Vùng thứ ba R3 được nằm xen bởi rãnh phụ 54 có thể đảm bảo khoảng cách theo hướng chiều rộng W từ vùng thứ nhất R1 được nằm xen bởi các rãnh bên 52, và có thể bao bọc cơ thể với lõi thấm hút 50 trong một vùng lớn. Có thể đảm bảo chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng trong vùng trước S1, và làm giảm sự rò rỉ trong vùng trước S1.

Rãnh bên 52 được định vị ở phía trong theo hướng chiều rộng từ mép ngoài

50S của lõi thấm hút 50, và có thể không cần tới mép ngoài 50S của lõi thấm hút 50. Theo kết cấu này, vật liệu thấm hút có mặt ở phía ngoài của rãnh bên 52 theo hướng chiều rộng W. Có thể giữ các dịch thể bị lan tràn bởi rãnh bên 52 bởi vật liệu thấm hút, và làm giảm sự rò rỉ sang bên.

Mép sau 52R của rãnh bên 52 được định vị trong vùng đũng S3, và rãnh bên 52 có thể không cần tới vùng sau S2. Nhờ kết cấu này, vùng, trong đó chiều dài của bộ phận thấm hút theo hướng chiều rộng W được ngăn lại, có thể trở nên khó tới vùng sau S2, và lõi thấm hút 50 ở vùng sau S2 được áp đáng kể vào cơ thể, dẫn tới làm giảm sự rò rỉ.

Rãnh phụ 54 được định vị ở phía trong theo hướng chiều rộng từ mép ngoài 50S của lõi thấm hút 50, và có thể không cần tới mép ngoài 50S của lõi thấm hút 50. Theo kết cấu này, mép ngoài của lõi thấm hút 50 có thể được đưa vào tiếp xúc với cơ thể theo dạng phẳng mà không có mép ngoài của lõi thấm hút 50 được biến dạng bởi rãnh phụ 54. Do đó, có thể làm giảm tiếp sự rò rỉ trong vùng trước S1. Thêm vào đó, ở dạng trong đó rãnh phụ 54 được cấu tạo bởi các rãnh, vật liệu thấm hút có mặt ở phía ngoài theo hướng chiều rộng từ rãnh phụ 54. Có thể giữ các dịch thể bị lan tràn bởi rãnh phụ 54 nhờ vật liệu thấm hút, và làm giảm sự rò rỉ sang bên.

Ở phía ngoài của vùng thứ hai R2 theo hướng chiều rộng, đoạn quanh chi tiết đàn hồi 67 mà co theo hướng từ phía trước đến phía sau L có thể được tạo ra. Trong trường hợp mà ở đó vùng thứ hai R2 được kéo lên tới phía bề mặt tiếp xúc với da T1 bởi sự co của đoạn quanh chi tiết đàn hồi 67 và lực từ phía ngoài tới phía trong theo hướng chiều rộng được tác động khi mang, vùng thứ hai R2 được di chuyển dễ dàng tới phía bề mặt tiếp xúc với da T1 của vùng thứ nhất R1 và tới phía trong theo hướng chiều rộng. Do đó, chiều dài của lõi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng có thể được ngăn lại.

Lỗi thấm hút 50 có thể gồm phần thất 51 có khoảng cách theo hướng chiều rộng W ngắn hơn chiều rộng lớn nhất của lỗi thấm hút 50. Vùng có chiều rộng lớn nhất của 50M của lỗi thấm hút 50 được bố trí ngang qua vùng trước S1 và vùng đứng S3, và được bố trí ngang qua vùng sau S2 và vùng đứng S3. Phần thất 51 của lỗi thấm hút 50 có thể được bố trí trong vùng đứng S3. Do chiều dài của lỗi thấm hút 50 theo hướng chiều rộng W của vùng đứng S3 được nằm xen trong không gian đứng của người sử dụng là ngắn, lỗi thấm hút 50 được chứa dễ dàng trong không gian đứng của người sử dụng, khiến cho sự khó chịu khi mang có thể được giảm. Phần giữa 51CL của phần thất 51 theo hướng từ phía trước đến phía sau L có thể được định vị ở phía trước từ phần giữa 10CL của sản phẩm thấm hút 10X theo hướng từ phía trước đến phía sau L. Dễ dàng thu được hiệu quả rút ngắn chiều dài của bộ phận thấm hút theo hướng chiều rộng W ở phía trước sản phẩm thấm hút 10X.

Tấm bề mặt không tiếp xúc với da có thể gồm các phần được in 81 và 82 mà có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của sản phẩm thấm hút. Phần in có thể gồm phần in thứ nhất 81 xếp chồng với mép ngoài của rãnh phụ 54, và phần in thứ hai 82 xếp chồng với mép ngoài của rãnh bên 52. Phần in có thể được tạo kết cấu để có thể nhận ra bằng mắt từ phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của sản phẩm thấm hút. Phần in theo phương án này của sáng chế được tạo ra trên màng phía sau 42a, và được tạo kết cấu để có thể nhận ra bằng mắt qua tấm bên ngoài 42b. Sự trợ giúp mang có thể dễ dàng nhận biết rãnh phụ 54 bởi phần in thứ nhất 81, và có thể dễ dàng nhận ra bằng mắt rãnh bên 52 bởi phần in thứ hai 82. Đường biên giữa rãnh phụ 54 và rãnh bên 52 được nhận biết, vùng cần được bố trí dọc theo phần bên dễ dàng được nhận biết, và sản phẩm thấm hút được cân bằng dễ dàng hơn ở vị trí thích hợp.

Phần in thứ nhất 81 và phần in thứ hai 82 có thể được tạo ra trên toàn bộ

vùng của sản phẩm thấm hút theo hướng từ phía trước đến phía sau, có thể được tạo ra trên toàn bộ vùng của lõi thấm hút theo hướng từ phía trước đến phía sau, hoặc có thể được tạo ra chỉ trong vùng xếp chồng với rãnh phụ 54 và rãnh bên 52. Phần in thứ nhất 81 và phần in thứ hai 82 theo phương án này của sáng chế được tạo ra theo hướng từ phía trước đến phía sau trên toàn bộ vùng của sản phẩm thấm hút theo hướng từ phía trước đến phía sau. Tốt hơn nếu, phần in thứ nhất 81 và phần in thứ hai 82 nằm cách nhau theo hướng chiều rộng để dễ dàng phân biệt chúng.

Phần được in nổi 45 có thể được tạo ra trên tấm bên ngoài 42b của tấm bề mặt không tiếp xúc với da. Phần được in nổi 45 là phần thu được bằng cách ép tấm bên ngoài 42b theo hướng chiều dày T. Phần được in nổi 45 có thể được bố trí trong vùng ít nhất xếp chồng với rãnh phụ 54. Chiều dày của tấm bề mặt không tiếp xúc với da được giảm bởi phần được in nổi. Do đó, có thể cải thiện khả năng quan sát rãnh phụ 54 từ phía bề mặt không tiếp xúc với da của sản phẩm thấm hút. Chiều dày của tấm bề mặt không tiếp xúc với da 42 được giảm bởi phần được in nổi 45. Do đó, có thể cải thiện khả năng quan sát rãnh phụ 54 từ phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của sản phẩm thấm hút 10X. Thêm vào đó, phần được in nổi 45 có thể được tạo ra để xếp chồng với rãnh bên 52. Cũng có thể cải thiện khả năng quan sát rãnh bên 52 từ phía bề mặt không tiếp xúc với da T2 của sản phẩm thấm hút 10X.

Phần được in nổi 45 có thể được tạo ra trên toàn bộ vùng của tấm bên ngoài 42b, có thể được tạo ra trên toàn bộ vùng xếp chồng với lõi thấm hút 50, hoặc có thể được tạo ra chỉ trong vùng xếp chồng với rãnh phụ 54 và rãnh bên 52. Phần được in nổi 45 theo phương án này của sáng chế được tạo ra theo hình dạng lưới trên toàn bộ vùng của tấm bên ngoài 42b.

Trên đây, sáng chế được mô tả chi tiết có dựa vào các phương án nêu trên,

nhưng điều sẽ rõ ràng với người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực là sáng chế không bị giới hạn ở các phương án được mô tả theo sáng chế. Sáng chế có thể được thực hiện theo các khía cạnh được sửa đổi và biến thể mà không nằm ngoài phạm vi của sáng chế như được xác định bởi phần mô tả các điểm yêu cầu bảo hộ. Do đó, phần mô tả sáng chế chỉ nhằm các mục đích minh họa và không có bất cứ ý nghĩa hạn chế nào về sáng chế.

Danh mục các số chỉ dẫn

- 10, 10X: Sản phẩm thấm hút
- 41a: tấm trên cùng (tấm bề mặt tiếp xúc với da)
- 41b: Tấm bên (tấm bề mặt tiếp xúc với da)
- 42a: Màng phía sau (tấm bề mặt không tiếp xúc với da)
- 42b: Tấm bên ngoài (tấm bề mặt không tiếp xúc với da)
- 50: Lõi thấm hút
- 52: Rãnh bên
- 53: Phần rộng
- 54: Phần dẫn hướng biến dạng, rãnh phụ (phần đánh dấu phía trước)
- 55: Rãnh ở giữa
- 56: Phần bọc lõi (tấm bề mặt tiếp xúc với da và tấm bề mặt không tiếp xúc với da)
- 57: Phần hẹp phía trước
- 58: Phần hẹp phía sau
- 60: Phần chun chống rò rỉ
- 61: Phần co
- 66: Phần đàn hồi chống rò rỉ
- R1: Vùng thứ nhất

R2: Vùng thứ hai

R3: Vùng thứ ba

R4: Vùng thứ tư

S1: Vùng trước

S2: Vùng sau

S3: Vùng đứng

L: Hướng từ phía trước đến phía sau

T: Hướng chiều dày

T1: Phía bề mặt tiếp xúc với da

T2: Phía bề mặt không tiếp xúc với da

W: Hướng chiều rộng

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Sản phẩm thấm hút bao gồm:

hướng từ phía trước đến phía sau và hướng chiều rộng vuông góc với nhau;

vùng đũng bao gồm phần giữa theo hướng từ phía trước đến phía sau;

vùng trước được định vị ở phía trước của vùng đũng;

vùng sau được định vị ở phía sau của vùng đũng; và

lõi thấm hút được bố trí ít nhất trong vùng đũng và vùng trước,

trong đó lõi thấm hút có hai rãnh bên kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau trong vùng đũng, phần dẫn hướng biến dạng kéo dài đến phía ngoài theo hướng chiều rộng hướng về phía trước trong vùng trước, và rãnh ở giữa được định vị giữa các rãnh bên theo hướng chiều rộng và kéo dài theo hướng từ phía trước đến phía sau,

trong đó chiều rộng của phần dẫn hướng biến dạng ngắn hơn chiều rộng của rãnh bên,

mép sau của rãnh bên được định vị trong vùng đũng và được định vị ở phía trước của mép sau của rãnh ở giữa, và

mép trước của rãnh bên được định vị ở phía trước của mép trước của rãnh ở giữa.

2. Sản phẩm thấm hút theo điểm 1,

trong đó phần dẫn hướng biến dạng được cấu tạo bởi ít nhất một trong số vùng trọng lượng cơ sở thấp trong đó trọng lượng cơ sở của chất liệu thấm hút của lõi thấm hút thấp hơn xung quanh, phần ép trong đó lõi thấm hút được ép theo hướng chiều dày, rãnh được tạo ra ở lõi thấm hút, và có sự khác nhau về độ cứng của lõi thấm hút.

3. Sản phẩm thấm hút theo điểm 1 hoặc 2, trong đó sản phẩm còn bao gồm:

tấm trên cùng được định vị ở phía bề mặt tiếp xúc với da của lõi thấm hút;

và

phần chun chống rò rỉ vuông góc được định vị ở phía bề mặt tiếp xúc với da của tấm trên cùng,

trong đó phần chun chống rò rỉ bao gồm phần co được nâng lên bởi sự co của phần đàn hồi chống rò rỉ và phần nền có tác dụng như điểm cơ bản khi nâng phần co,

trong đó lõi thấm hút bao gồm vùng thứ nhất được nằm xen bởi các rãnh bên và vùng thứ hai được định vị giữa rãnh bên và mép ngoài của lõi thấm hút, và

trong đó phần co xếp chồng với vùng thứ hai theo hướng chiều dày.

4. Sản phẩm thấm hút theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 3,

trong đó rãnh bên bao gồm phần hẹp phía sau trong đó chiều dài của rãnh bên theo hướng chiều rộng giảm hướng về phía sau, và

trong đó phần hẹp phía sau tới mép sau của rãnh bên.

5. Sản phẩm thấm hút theo điểm 4,

trong đó rãnh bên bao gồm phần hẹp phía trước trong đó chiều dài của rãnh bên theo hướng chiều rộng giảm hướng về phía trước, và

trong đó phần hẹp phía trước tới mép trước của rãnh bên.

6. Sản phẩm thấm hút theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 to 5,

trong đó lõi thấm hút bao gồm vùng thứ nhất được nằm xen bởi các rãnh

bên, vùng thứ hai được định vị giữa rãnh bên và mép ngoài của lõi thấm hút, vùng thứ ba được nằm xen bởi các phần dẫn hướng biến dạng, và vùng thứ tư được định vị giữa phần dẫn hướng biến dạng và mép ngoài của lõi thấm hút, và

trong đó chiều dài lớn nhất của vùng thứ ba theo hướng chiều rộng là lớn hơn chiều dài lớn nhất của vùng thứ nhất theo hướng chiều rộng.

7. Sản phẩm thấm hút theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 6, trong đó chiều rộng của phần dẫn hướng biến dạng bằng $1/2$ hoặc nhỏ hơn chiều rộng của rãnh bên.

8. Sản phẩm thấm hút theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 6, trong đó phần dẫn hướng biến dạng được định vị ở phía trong theo hướng chiều rộng từ mép ngoài của lõi thấm hút.

9. Sản phẩm thấm hút theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 8, trong đó sản phẩm còn bao gồm:

tấm trên cùng được định vị ở phía bề mặt tiếp xúc với da của lõi thấm hút; và

phần chun chống rò rỉ vuông góc được định vị ở phía bề mặt tiếp xúc với da của tấm trên cùng,

trong đó phần chun chống rò rỉ bao gồm phần co được nâng lên bởi sự co của phần đàn hồi chống rò rỉ, và phần nền có tác dụng như điểm cơ bản khi nâng phần co, và

trong đó phần đàn hồi chống rò rỉ xếp chồng với phần dẫn hướng biến dạng theo hướng chiều dày.

10. Sản phẩm thâm hút theo điểm 9,

trong đó phần đàn hồi chống rò rỉ không xếp chồng với vùng ở phía trước từ phần giữa của phần dẫn hướng biến dạng theo hướng từ phía trước đến phía sau, và xếp chồng với vùng ở phía sau từ phần giữa của phần dẫn hướng biến dạng theo hướng từ phía trước đến phía sau.

Fig.1

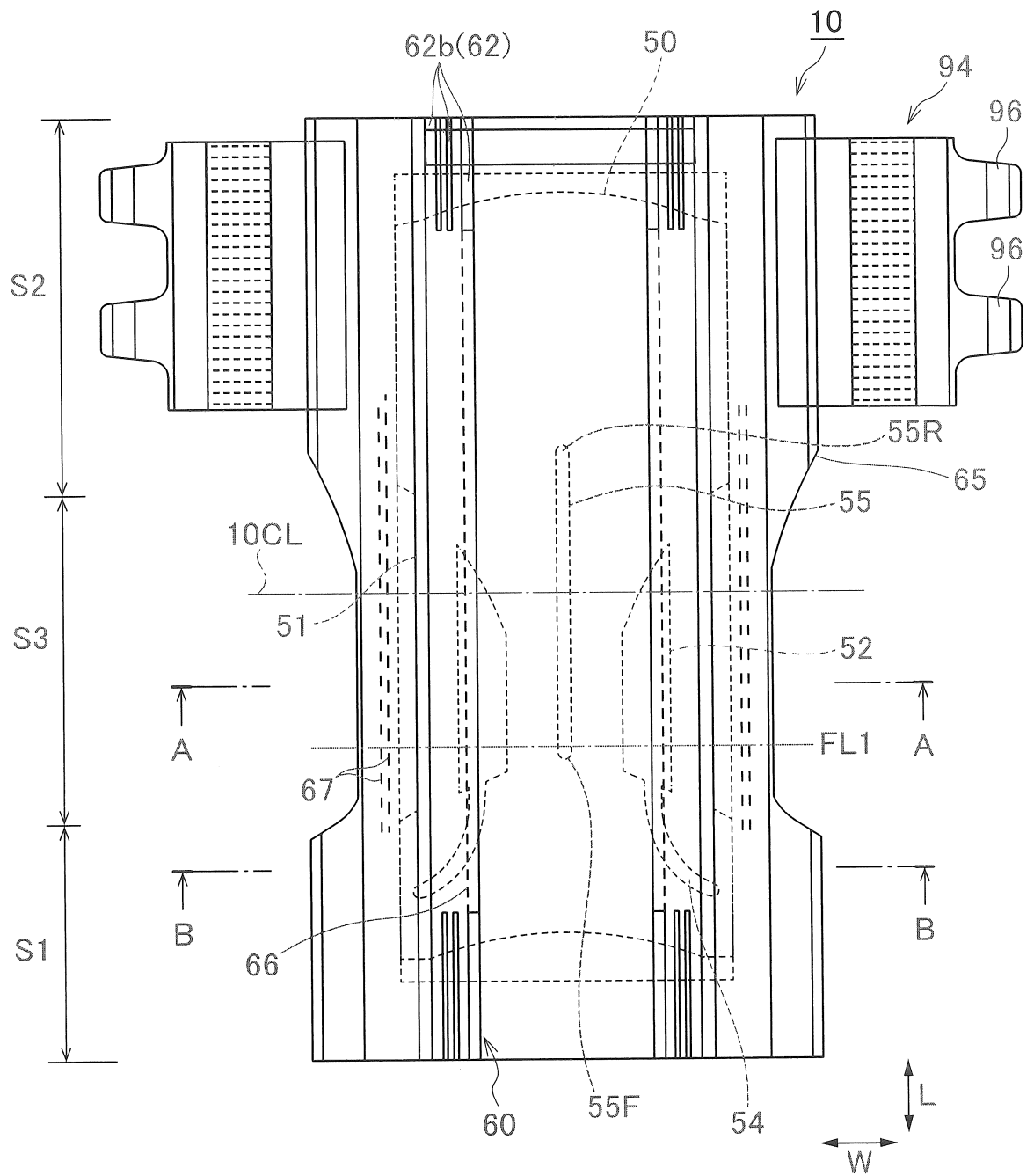


Fig.2

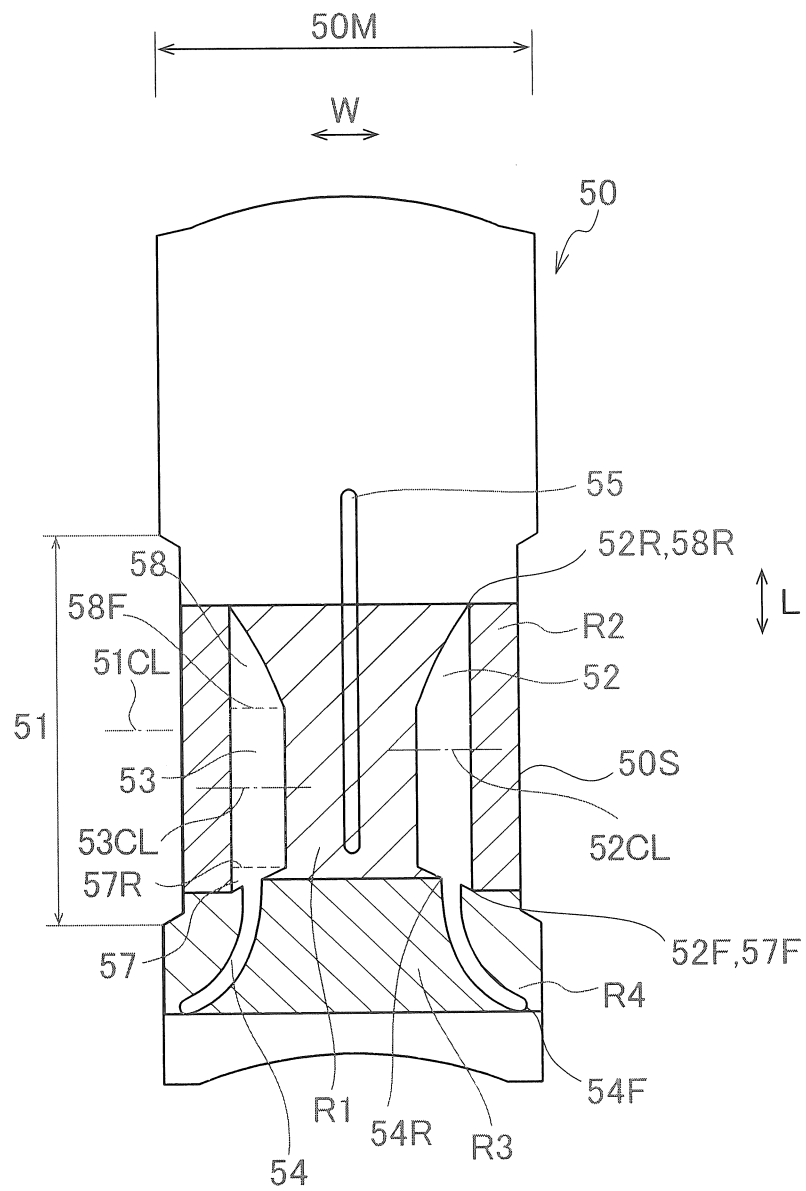


Fig.3

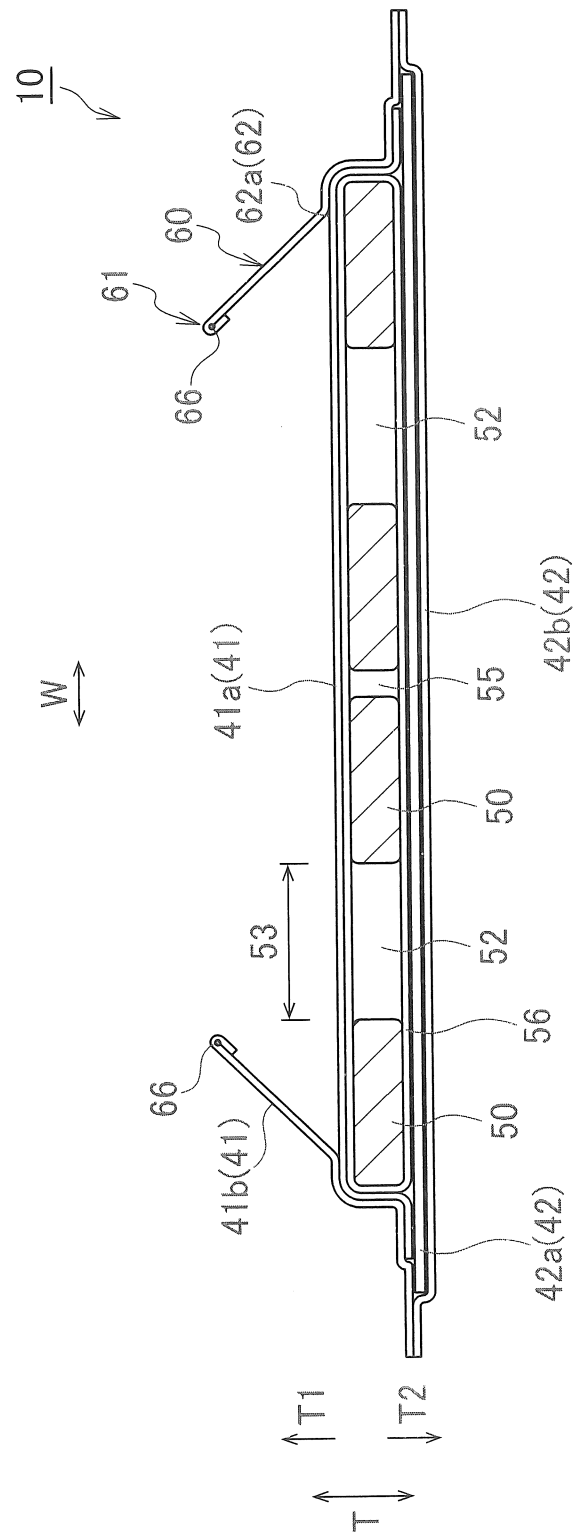


Fig.4

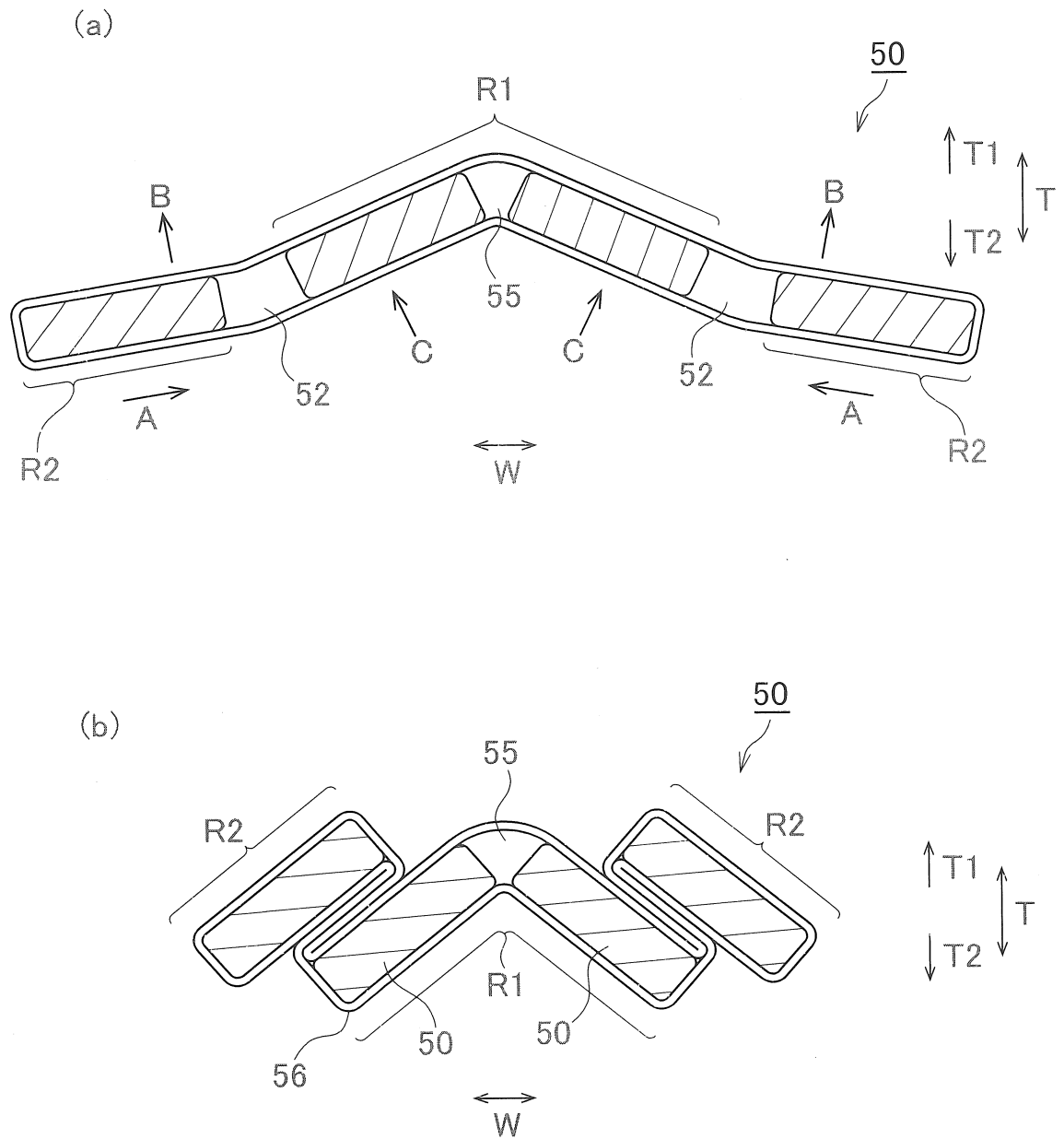


Fig.5

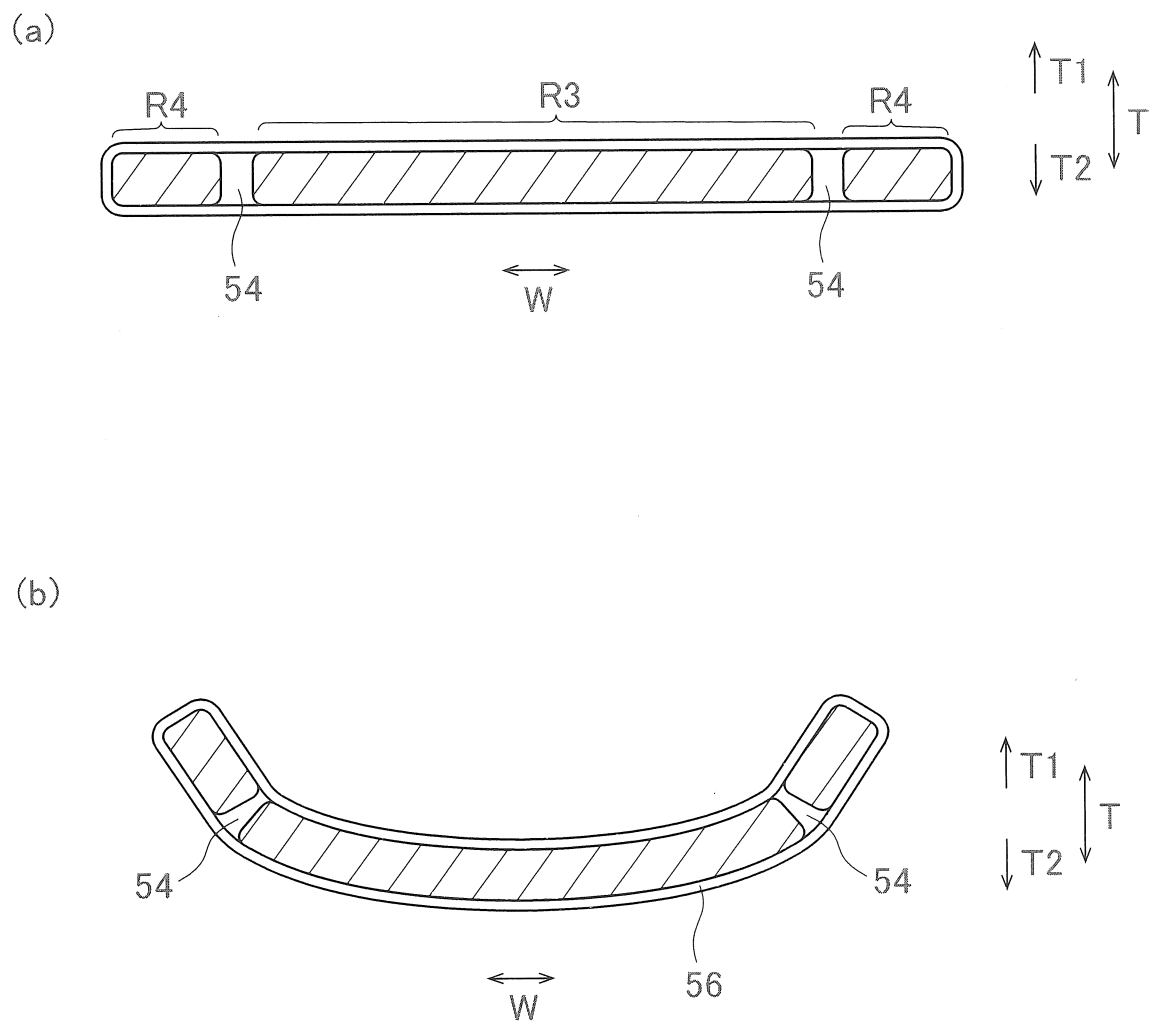


Fig.6

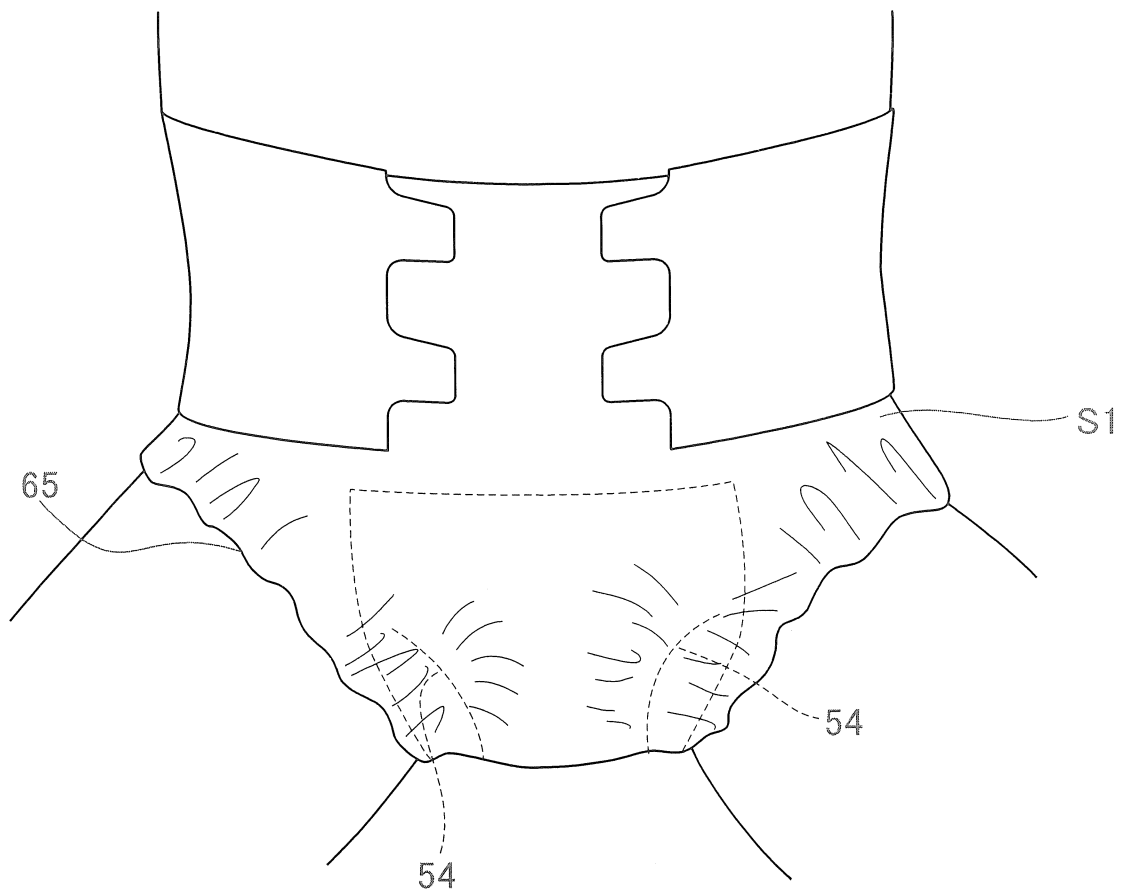


Fig.7

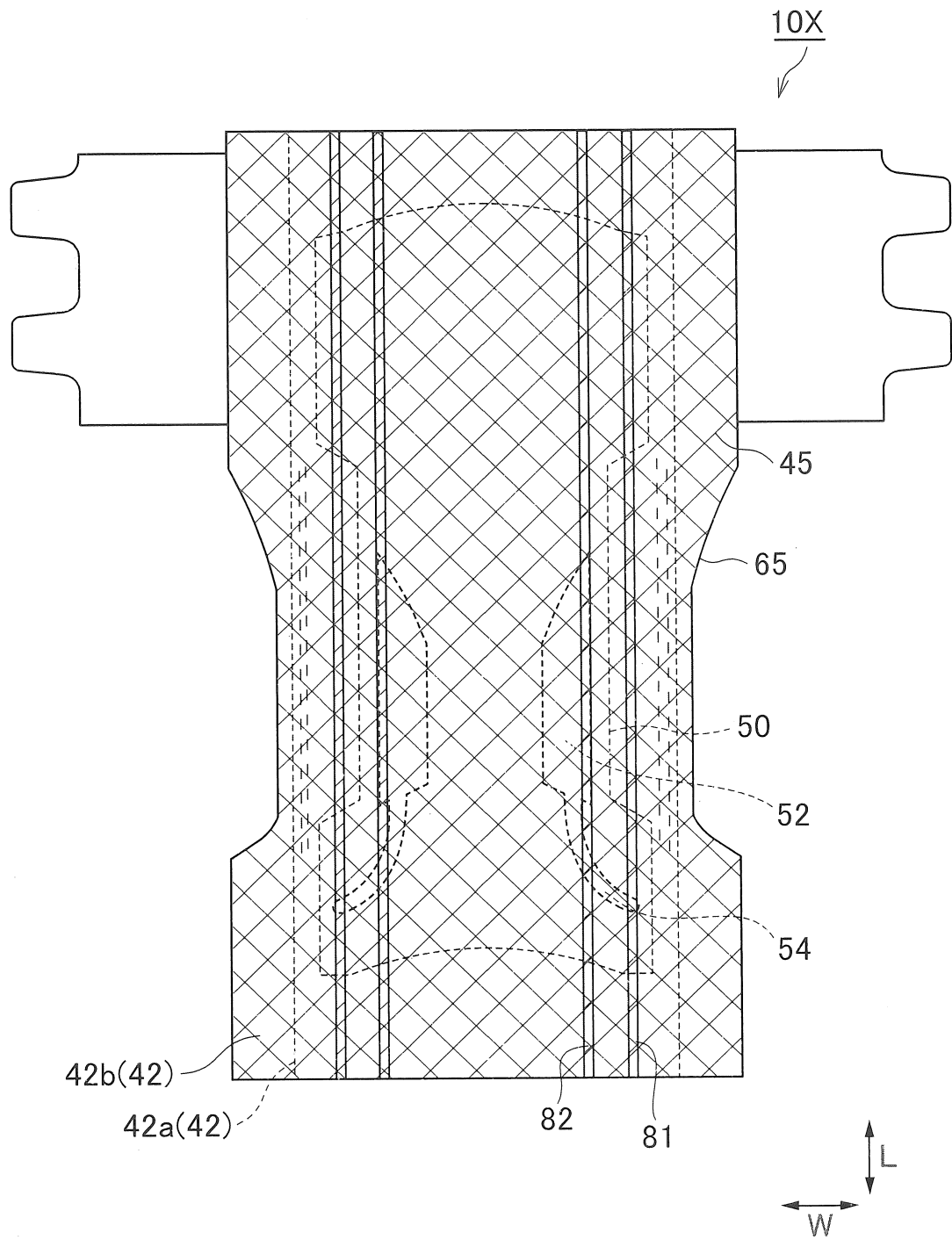


Fig.8

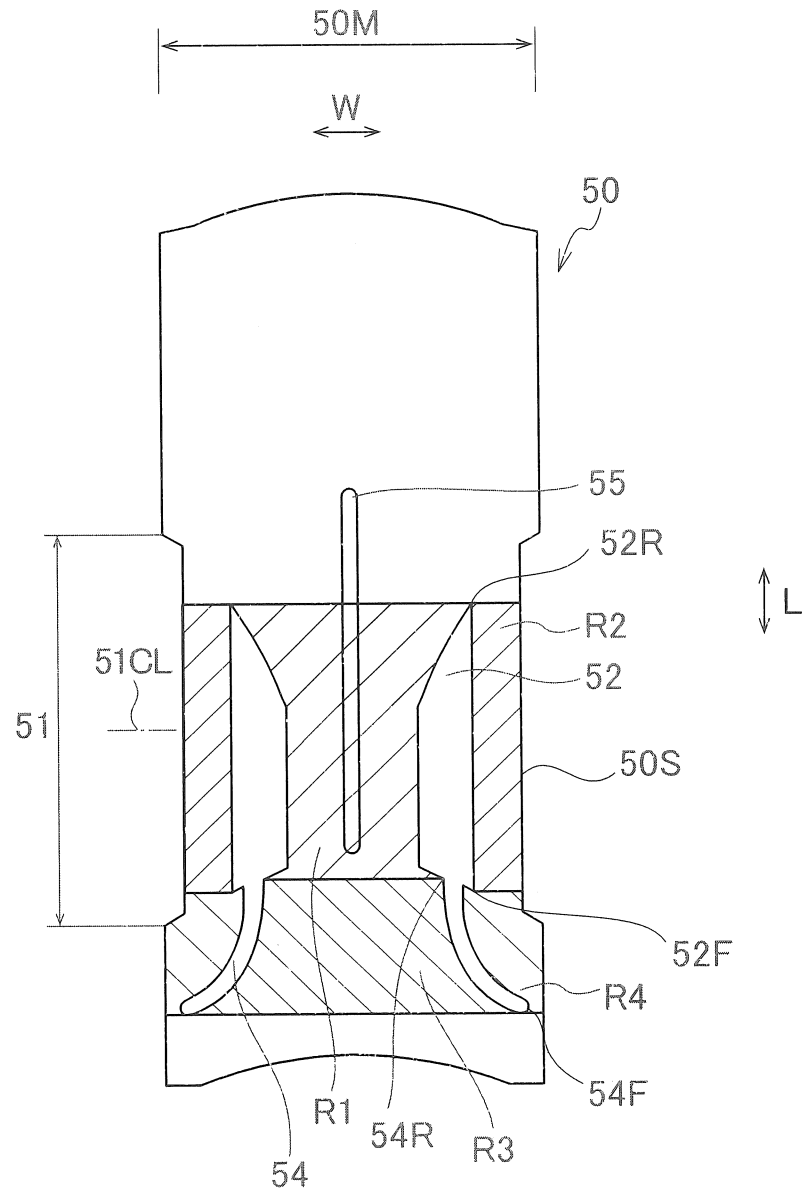


Fig.9

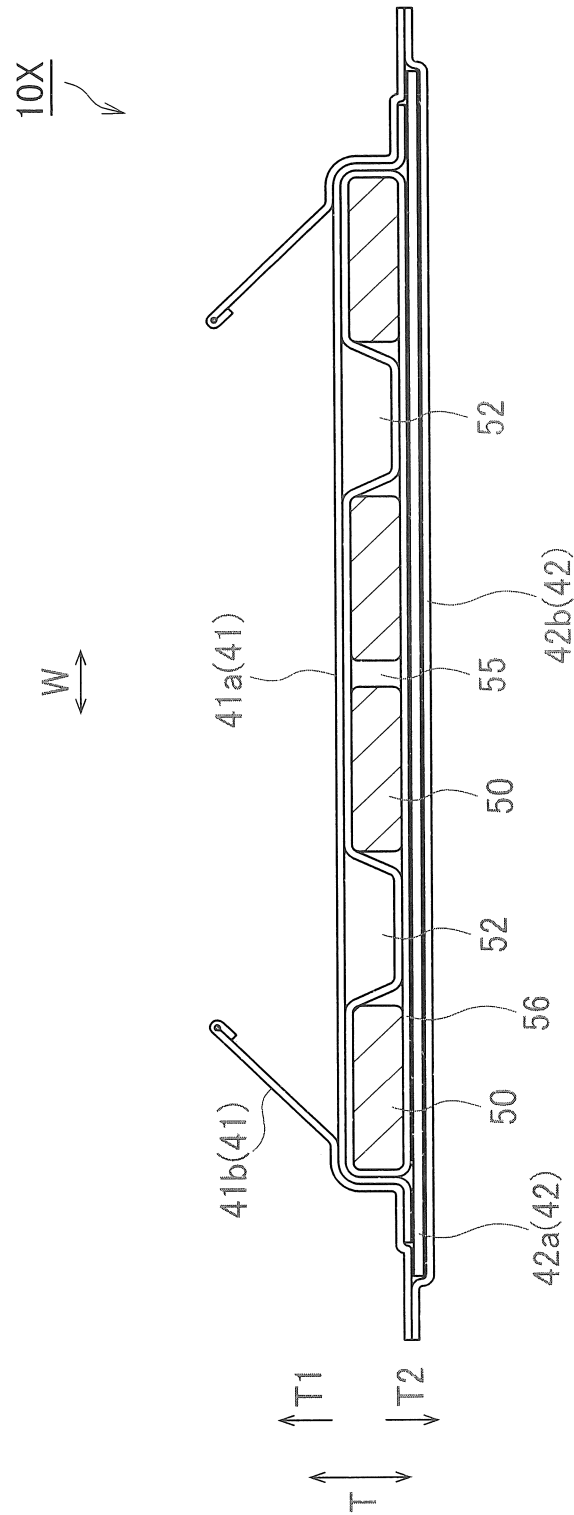


Fig.10

